

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước;
Bổ sung dự toán thu ngân sách cấp tỉnh, chi ngân sách địa phương
tỉnh Đồng Nai năm 2011**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII- KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 22/2011/NĐ-CP ngày 04/04/2011 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-BTC ngày 24/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu chi Ngân sách Nhà nước năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-BTC ngày 13/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân bổ mức vốn vay tín dụng ưu đãi để thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-BTC ngày 13/04/2011 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011;

Trên cơ sở Nghị quyết số 192/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Đồng Nai 06 tháng cuối năm 2010; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh, bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2011;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4509/TTr-UBND ngày 06/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua việc điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước; bổ sung dự toán thu -chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2011 theo Tờ trình số 4509/TTr-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước từ 20.080.000 triệu đồng lên 22.598.810 triệu đồng.

Trong đó:

- Điều chỉnh tăng thu trong cân đối từ 19.580.000 triệu đồng lên 21.643.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng thu các khoản quản lý qua ngân sách từ 500.000 triệu đồng lên 955.810 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục số I đính kèm)

2. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách địa phương từ 7.240.382 triệu đồng lên 9.256.002 triệu đồng.

Trong đó:

- Điều chỉnh tăng thu trong cân đối NSDP từ 6.740.382 triệu đồng lên 8.257.477 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng thu các khoản quản lý qua ngân sách từ 500.000 triệu đồng lên 998.525 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục số I đính kèm)

3. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương từ 7.240.382 triệu đồng lên 8.839.933 triệu đồng.

Trong đó:

- Điều chỉnh tăng các khoản chi trong cân đối từ 6.740.382 triệu đồng lên 7.841.408 triệu đồng, gồm:

+ Tăng chi đầu tư phát triển 2.282.000 triệu đồng lên 2.792.203 triệu đồng.

+ Tăng chi thường xuyên từ 4.205.662 triệu đồng lên 4.796.485 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng các khoản chi quản lý qua ngân sách từ 500.000 triệu đồng lên 998.525 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục số II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các quy định của pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân sách hiện hành tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

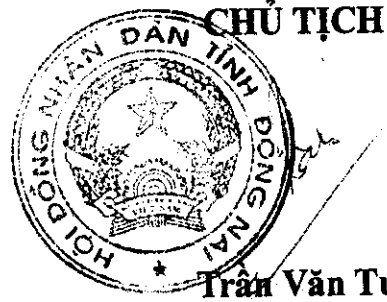
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2011.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, Ban ngành;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Số: **4509**/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày **06** tháng 7 năm 2011

TỜ TRÌNH

**Về điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước, bổ sung dự toán thu,
chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2011**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước được Quốc hội khóa XI - Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 192/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND Tỉnh Đồng Nai khóa VII - kỳ họp thứ 21 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Đồng Nai 06 tháng cuối năm 2010; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh, bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2011;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-BTC ngày 13/04/2011 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011;

Căn cứ công văn số 18073/STC-NSNN ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ giảm thu ngân sách địa phương do thực hiện chính sách miễn giảm thuế năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-TCT ngày 21/02/2011 của Tổng Cục trưởng Tổng cục thuế về việc giao chỉ tiêu phân đấu thu nội địa không kể dầu thô năm 2011;

Căn cứ công văn số 7211/BTC-NSNN ngày 02/06/2011 của Bộ Tài chính về việc bổ sung thường vượt thu ngân sách và bổ sung thực hiện dự án cầu Hóa An;

Căn cứ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi để thực hiện các chương trình kiên cố hóa kênh mương, phát triển đường giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản và cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn của tỉnh năm 2011,

UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 2 về việc điều chỉnh dự toán thu NSNN, điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2011 như sau:

A. ĐIỀU CHỈNH TĂNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về một số giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội trong đó yêu cầu chính quyền địa phương thực hiện phân đấu tăng thu ngân sách từ 07 - 08% và Nghị quyết của Tỉnh ủy chỉ đạo chính quyền địa phương phân đấu thực hiện tăng thu ngân sách nhà nước từ 14% - 15%.

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-TCT ngày 21/02/2011 của Tổng Cục trưởng Tổng cục thuế về việc giao chỉ tiêu phân đấu thu nội địa không kể dầu thô năm 2011;

Trên cơ sở rà soát nguồn thu trên địa bàn tỉnh 06 tháng đầu năm 2011 ước đạt 59% so với dự toán năm;

Đồng thời, để đảm bảo việc chủ động trong cân đối nguồn thu để phân bổ dự toán chi bổ sung cho các nhu cầu chi cần thiết đã, đang và sẽ phát sinh, tránh dồn ép bổ sung dự toán vào thời gian cuối năm.

UBND tỉnh Đồng Nai xây dựng dự toán điều chỉnh tăng thu NSNN năm 2011 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau (*Có phụ lục chi tiết số 1*):

• **Tổng dự toán thu NSNN sau khi được điều chỉnh:** **22.598.810 triệu đồng.**
Tăng 13% so với dự toán giao đầu năm.

1. Thu trong cân đối: **21.643.000 triệu đồng.**
Tăng 11% so với dự toán giao đầu năm.

- Thu nội địa: 13.250.000 triệu đồng.
Tăng 11% so với dự toán giao đầu năm.

Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất 550.000 triệu đồng thì thu nội địa là 12.700.000 triệu đồng, tăng 11% so với dự toán giao đầu năm.

- Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 8.393.000 triệu đồng.
Tăng 10% so với dự toán đầu năm.

2. Thu quản lý qua NSNN: **955.810 triệu đồng.**

- Thu xổ số kiến thiết: 500.000 triệu đồng.

- Ghi thu học phí: 27.810 triệu đồng.

- Ghi thu viện phí: 428.000 triệu đồng.

B. BỔ SUNG DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH TỈNH, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2011:

Trên cơ sở điều chỉnh tăng dự toán thu nội địa, các nguồn thu bổ sung, hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và các nguồn thu ngân sách khác, UBND tỉnh xây dựng dự toán bổ sung thu - chi ngân sách địa phương như sau:

I. Bổ sung dự toán thu ngân sách năm 2011:

1. Tổng số dự toán thu bổ sung: **2.015.620 triệu đồng.**

(*Có phụ lục chi tiết số 1 đính kèm*)

2. Sau khi loại trừ các nguồn 50% tăng thu ngân sách tỉnh giao tăng dự toán thu nội địa để cân đối bổ sung nguồn cải cách tiền lương hàng năm: 298.359 triệu đồng; các khoản ghi thu, ghi chi học phí, viện phí: 455.810 triệu đồng; dự kiến nguồn thu vượt ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp:

66.061 triệu đồng; và nguồn thu tiền sử dụng đất dự kiến tăng thêm: 50.000 triệu đồng thì tổng số dự toán thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh là: 1.145.390 triệu đồng. Cụ thể như sau:

*** Tổng số dự toán bổ sung ngân sách cấp tỉnh: 1.145.390 triệu đồng.**

Trong đó:

a) Từ nguồn ngân sách Trung ương: 739.584 triệu đồng.

- Nguồn chương trình mục tiêu: 237.414 triệu đồng.

+ Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia: 70.414 triệu đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư XDCB: 6.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn thường xuyên: 64.414 triệu đồng.

+ Nguồn vốn vay ưu đãi kiên cố hóa kênh mương: 20.000 triệu đồng.

+ Hỗ trợ dự án Cầu Hóa An: 100.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn trái phiếu chính phủ: 47.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn hỗ trợ: 502.170 triệu đồng.

+ Hỗ trợ giảm thu ngân sách địa phương do thực hiện chính sách miễn giảm thuế năm 2009: 145.572 triệu đồng.

+ Nguồn thưởng vượt dự toán năm 2010: 338.713 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cho công tác bầu cử HĐND các cấp: 17.885 triệu đồng.

b) Từ nguồn của ngân sách cấp tỉnh: 405.806 triệu đồng.

+ Nguồn dự kiến 50% tăng thu ngân sách tỉnh do giao chỉ tiêu tăng thu nội địa: 298.359 triệu đồng.

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất vượt dự toán năm 2010 chuyển sang: 64.732 triệu đồng.

+ Nguồn thu xổ số kiến thiết vượt dự toán năm 2010 chuyển sang: 42.715 triệu đồng.

II. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2011:

*** Tổng dự toán chi bổ sung: 1.143.741 triệu đồng.**

(Có phụ lục chi tiết số II đính kèm)

1. Bổ sung dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 495.177 triệu đồng.

a) Bổ sung dự toán chi XDCB: 235.867 triệu đồng.

+ Chi XDCB từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia: 6.000 triệu đồng.

+ Chi XDCB từ nguồn trái phiếu chính phủ: 47.000 triệu đồng.

+ Chi từ nguồn hỗ trợ dự án cầu Hóa An:	100.000 triệu đồng.
+ Chi XDCB từ nguồn vốn đối ứng để trả nợ xây dựng Cầu Thủ Biên:	40.000 triệu đồng.
+ Chi XDCB để xây dựng hạ tầng tái định cư phường Tân Biên (Trả nợ vay KBNN 300.000 triệu đồng):	35.152 triệu đồng.
+ Chi XDCB từ nguồn xổ số kiến thiết vượt dự toán năm 2010 chuyển sang:	7.715 triệu đồng.
b) Bổ sung dự toán chi thường xuyên:	259.310 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Chi trợ giá xe buýt:	4.000 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp kinh tế:	6.602 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:	47.617 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp y tế:	76.842 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:	1.113 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp VH - TT - DL - GD:	9.960 triệu đồng.
- Chi đảm bảo xã hội:	33.762 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính:	51.779 triệu đồng.
- Chi an ninh quốc phòng:	10.408 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách:	17.228 triệu đồng.
2. Bổ sung dự toán chi ngân sách cấp huyện:	648.564 triệu đồng.
a) Bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển:	317.051 triệu đồng.
+ Chi XDCB từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ miễn, giảm thuế năm 2009:	145.572 triệu đồng.
+ Chi XDCB từ nguồn thưởng vượt thu năm 2010:	51.747 triệu đồng.
+ Chi từ nguồn kiên cố hóa kênh mương:	20.000 triệu đồng.
+ Chi thực hiện các dự án xã hội hóa:	23.211 triệu đồng.
+ Chi XDCB từ nguồn vượt thu xổ số kiến thiết năm 2010 chuyển sang:	35.000 triệu đồng.
+ Chi đầu tư phát triển khác (Hỗ trợ huyện Nhơn Trạch khấu trừ tiền sử dụng đất năm 2008):	41.521 triệu đồng.
b) Bổ sung dự toán chi thường xuyên:	331.513 triệu đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Chi sự nghiệp kinh tế:	73.065 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp giáo dục:	70.574 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:	113.978 triệu đồng.
- Chi quản lý hành chính:	5.280 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp an ninh:	31.790 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp quốc phòng:	21.194 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách (<i>Bổ sung cân đối cho huyện Long Thành phần hụt thu thuế ngoài quốc doanh do Cục thuế quản lý thu</i>):	15.632 triệu đồng.

III. Cân đối thu ngân sách cấp tỉnh, chi bổ sung ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện năm 2011:

(Có phụ lục chi tiết số III đính kèm)

1. Tổng dự toán thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh năm 2011:	1.145.390 triệu đồng.
2. Tổng dự toán bổ sung chi ngân sách địa phương năm 2011:	1.143.741 triệu đồng.
3. Cân đối thu - chi (1-2):	1.649 triệu đồng.

C. DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2011 SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG:

Từ những nội dung được điều chỉnh, bổ sung nêu trên, UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh khóa VIII - kỳ họp thứ 2 về dự toán thu - chi ngân sách năm 2011 sau khi điều chỉnh bổ sung như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2011 sau điều chỉnh bổ sung:

(Có phụ lục chi tiết số I đính kèm).

Tổng thu ngân sách nhà nước:	22.598.810 triệu đồng.
- Thu trong cân đối:	21.643.000 triệu đồng.
. Thu nội địa:	13.250.000 triệu đồng.
. Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu:	8.393.000 triệu đồng.
- Thu quản lý qua ngân sách nhà nước:	955.810 triệu đồng.
. Thu lĩnh vực xổ số kiến thiết:	500.000 triệu đồng.
. Ghi thu học phí:	27.810 triệu đồng.
. Ghi thu viện phí:	428.000 triệu đồng.

II. Dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2011 sau điều chỉnh, bổ sung:

1. Tổng dự toán thu ngân sách địa phương:	9.256.002 triệu đồng.
<i>(Có phụ lục chi tiết số I đính kèm).</i>	
- Dự toán thu trong cân đối:	8.257.477 triệu đồng.
- Dự toán thu quản lý qua ngân sách:	998.525 triệu đồng.

2. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương: 8.839.933 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết số II đính kèm).

- Dự toán chi trong cân đối ngân sách: 7.841.408 triệu đồng.

- Dự toán chi ngoài cân đối: 998.525 triệu đồng.

III. Dự toán điều chỉnh, bổ sung chi thường xuyên các đơn vị cấp tỉnh: 259.310 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết số IV đính kèm).

IV. Dự toán điều chỉnh, bổ sung chi các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa: 648.564 triệu đồng.

(Có phụ lục chi tiết số V đính kèm).

UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 2 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

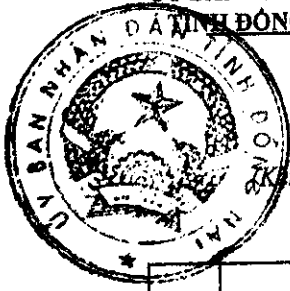
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

@ĐiềnKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái



Phụ lục số I
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2011

Kèm theo Tờ trình số 450/TT-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2011	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
A	B	1	2	3=1+2
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	20.080.000	2.518.810	22.598.810
*	Tổng các khoản thu cân đối ngân sách Nhà nước	19.580.000	2.063.000	21.643.000
I	Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	11.950.000	1.300.000	13.250.000
1	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước trung ương	1.430.000	310.000	1.740.000
	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB	1.372.500	271.000	1.643.500
	Thuế tài nguyên, Môn bài, Thu khác	57.500	39.000	96.500
2	Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	1.850.000	180.000	2.030.000
	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB	1.827.870	148.430	1.976.300
	Thuế tài nguyên, Môn bài, Thu khác	22.130	31.570	53.700
3	Thu từ xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.030.000	332.000	4.362.000
	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB	3.972.300	331.900	4.304.200
	Thuế tài nguyên, Môn bài, Thu tiền mặt đất, Thu khác	57.700	100	57.800
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	2.164.000	61.100	2.225.100
	Thuế GTGT, TNDN, TTĐB	2.102.000	51.100	2.153.100
	Thuế tài nguyên, Môn bài, Thu khác	62.000	10.000	72.000
5	Lệ phí trước bạ	320.000	30.000	350.000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0	0
7	Thuế nhà đất	40.000	0	40.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	285.000	1.585.000
10	Thu phí xăng dầu	90.000	0	90.000
11	Thu phí và lệ phí	90.000	13.500	103.500
12	Thuế chuyển quyền sử dụng đất	0	0	0
13	Tiền sử dụng đất	500.000	50.000	550.000
14	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	50.000	25.500	75.500
15	Thu tiền thuê nhà, bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước	0	0	0
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản, ... của NS xã	6.000	900	6.900
17	Thu khác	80.000	12.000	92.000
II	Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu	7.630.000	763.000	8.393.000
	Trong đó:			
	- Thuế XK, NK, TTĐB	2.590.000	259.000	2.849.000
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	5.040.000	504.000	5.544.000
III	Thu huy động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	0	0	0
B	Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	500.000	455.810	955.810
	Trong đó:			
	- Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết	500.000		500.000
	- Ghi thu học phí,....		27.810	27.810

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	DỰ TOÁN GIAO ĐẦU NĂM 2011	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
	- Ghi thu viện phí....		428.000	428.000
TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		7.240.382	2.015.620	9.256.002
*	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	6.740.382	1.517.095	8.257.477
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.660.382	712.779	7.373.161
	- Các khoản thu 100%	1.283.310	158.190	1.441.500
	- Thu phân chia theo tỷ lệ %	5.377.072	554.589	5.931.661
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	80.000	804.316	884.316
	- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương đầu năm	80.000		80.000
	- Hỗ trợ giảm thu NSĐP do thực hiện chính sách miễn giảm thuế năm 2009		145.572	145.572
	- Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia		70.414	70.414
	- Nguồn tiền thưởng vượt thu dự toán năm 2010		338.713	338.713
	- Hỗ trợ từ NSTW cho NSĐP (Hỗ trợ Dự án Cầu Hóa An)		100.000	100.000
	- Thu vay nguồn vốn ưu đãi để đầu tư kiên cố hóa kênh mương		20.000	20.000
	- Hỗ trợ cho công tác bầu cử		17.885	17.885
	- Nguồn tiền đất thu vượt năm 2010		64.732	64.732
	- Nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ năm 2011		47.000	47.000
**	Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN	500.000	498.525	998.525
<i>Trong đó:</i>				
1	Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết	500.000	42.715	542.715
	- Giao dự toán đầu năm	500.000		500.000
	- Nguồn Xổ số kiến thiết thu vượt năm 2010		42.715	42.715
2	Ghi thu học phí,....		27.810	27.810
3	Ghi thu viện phí....		428.000	428.000



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Phụ lục số II

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG NĂM 2011
(Kèm theo Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG KHỐI TỈNH, HUYỆN				KHỐI TỈNH			KHỐI HUYỆN				
		Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung
			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm	
1=5+9	2=6+10	3=7+11	4=8+12	5	6	7	8=5+6+7	9	10	11	12=9+10+11		
A	TỔNG CHI	7.240.382	1.599.551	0	8.839.933	3.967.304	950.987	0	4.918.291	3.273.078	648.564	0	3.921.642
A	Các khoản chi trong cân đối	6.740.382	1.101.026	0	7.841.408	3.632.304	487.462	0	4.119.766	3.108.078	613.564	0	3.721.642
I	Chi đầu tư phát triển	2.282.000	510.203	0	2.792.203	1.674.000	228.152	0	1.902.152	608.000	282.051	0	890.051
1	Chi XDCB tập trung	1.700.000	0	0	1.700.000	1.192.000	0	0	1.192.000	508.000	0	0	508.000
	- Chi ĐT XDCB tập trung giao đầu năm	1.700.000	0	0	1.700.000	1.192.000			1.192.000	508.000			508.000
2	Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ giảm thu NSĐP do thực hiện chính sách miễn giảm thuế năm 2009	0	145.572	0	145.572	0	0	0	0	0	145.572	0	145.572
	+ Đầu tư hạ tầng xã điểm nông thôn mới (QĐ 1293/QĐ-UBND, 30/05/2011)	0	115.572	0	115.572				0		115.572		115.572
	+ Hỗ trợ dự án đường từ đường 319B đến hương lộ 19 huyện Nhơn Trạch - QĐ 789)	0	30.000	0	30.000				0		30.000		30.000
3	Chi XDCB từ nguồn thưởng vượt thu năm 2010	0	51.747	0	51.747				0		51.747		51.747
4	Chi từ nguồn trung ương hỗ trợ (dự án Cầu Hóa An)	0	100.000	0	100.000		100.000		100.000				0
5	Chi XDCB từ nguồn tiền sử dụng đất	500.000	0	0	500.000	400.000	0	0	400.000	100.000	0	0	100.000
	- Chi đầu tư XDCB	200.000	0	0	200.000	100.000			100.000	100.000			0
	- Chi thành lập quỹ phát triển nhà ở	150.000	0	0	150.000	150.000			150.000				0
	- Chi thành lập quỹ phát triển đất	150.000	0	0	150.000	150.000			150.000				0
6	Chi XDCB từ chương trình mục tiêu	0	6.000	0	6.000		6.000		6.000				0
7	Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ của NSTW	80.000	0	0	80.000	80.000			80.000				0
8	Chi ĐT kiên cố hóa kênh mương từ nguồn vốn vay ưu đãi	0	20.000	0	20.000				0		20.000		20.000
9	Chi từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011	0	47.000	0	47.000		47.000		47.000				0
10	Chi đầu tư XDCB khác (hỗ trợ thực hiện khâu trừ từ nguồn tiền sử dụng đất đã thu năm 2008)	0	41.521	0	41.521				0		41.521		41.521
11	Chi ĐT vốn đối ứng để XD cầu Thủ Biên	0	40.000	0	40.000		40.000		40.000				0

S T T	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG KHỐI TỈNH, HUYỆN				KHỐI TỈNH				KHỐI HUYỆN			
		Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung
			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm	
A	B	1=5+9	2=6+10	3=7+11	4=8+12	5	6	7	8=5+6+7	9	10	11	12=9+10+11
12	Chi ĐT xây dựng hạ tầng tái định cư "..." g Tân Biên (Trả nợ vay KBNN 300.000 trđ)	0	35.152	0	35.152		35.152		35.152				0
11	Chi hỗ trợ các dự án đầu tư xã hội hóa	0	23.211	0	23.211				0		23.211		23.211
12	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	0	0	2.000	2.000			2.000				0
II	Chi thường xuyên	4.205.662	590.823	0	4.796.485	1.793.198	259.310	0	2.052.508	2.412.464	331.513	0	2.743.977
1	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	16.500	4.000	0	20.500	16.500	4.000		20.500				0
2	Chi sự nghiệp kinh tế	506.927	79.667	0	586.594	310.294	6.602	0	316.896	196.633	73.065	0	269.698
	- Chi sự nghiệp nông nghiệp	85.176	1.097	0	86.273	47.000	1.097		48.097	38.176			38.176
	- Chi sự nghiệp lâm nghiệp	47.431	17	0	47.448	30.000	17		30.017	17.431			17.431
	- Chi sự nghiệp thủy lợi, thủy sản	15.122	1.450	0	16.572	8.880	1.450		10.330	6.242			6.242
	- Chi sự nghiệp giao thông	69.293	809	0	70.102	40.865	809		41.674	28.428			28.428
	- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	36.172	63.764	0	99.936				0	36.172	63.764		99.936
	- Chi sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61.246	1.061	0	62.307	46.610			46.610	14.636	1.061		15.697
	- Chi sự nghiệp công thương	10.439	564	0	11.003	10.439	564		11.003				0
	- Chi sự nghiệp quản lý môi trường	136.500	10.905	0	147.405	86.500	2.665		89.165	50.000	8.240		58.240
	- Chi công tác quy hoạch	40.000	0	0	40.000	40.000			40.000				0
	- Chi sự nghiệp khác	5.548	0	0	5.548				0	5.548			5.548
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.932.630	118.191	0	2.050.821	495.795	47.617	0	543.412	1.436.835	70.574	0	1.507.409
	- Chi sự nghiệp giáo dục	1.718.963	87.053	0	1.806.016	298.100	23.959		322.059	1.420.863	63.094		1.483.957
	- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	213.667	31.138	0	244.805	197.695	23.658		221.353	15.972	7.480		23.452
4	Chi sự nghiệp y tế	539.176	76.842	0	616.018	528.176	76.842		605.018	11.000			11.000
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53.000	1.113	0	54.113	47.500	1.113		48.613	5.500			5.500
6	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình	105.508	9.960	0	115.468	48.600	9.960		58.560	56.908			56.908
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	19.864	0	0	19.864	0			0	19.864			19.864
8	Chi đảm bảo xã hội	182.499	147.740	0	330.239	74.800	33.762		108.562	107.699	113.978		221.677
9	Chi quản lý hành chính	673.173	57.059	0	730.232	192.155	51.779	0	243.934	481.018	5.280	0	486.298
	- Chi quản lý nhà nước	522.068	55.465	0	577.533	138.894	50.185		189.079	383.174	5.280		388.454
	- Chi hoạt động của các cơ quan đảng, các tổ chức CTXH	90.984	830	0	91.814	40.000	830		40.830	50.984			50.984
	- Chi hỗ trợ Hội, Đoàn thể	60.121	764	0	60.885	13.261	764		14.025	46.860			46.860
10	Chi an ninh quốc phòng	123.900	63.392	0	187.292	36.670	10.408	0	47.078	87.230	52.984	0	140.214
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50.542	38.105	0	88.647	10.477	6.315		16.792	40.065	31.790		71.855

S T T	NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	TỔNG CỘNG KHỐI TỈNH, HUYỆN				KHỐI TỈNH				KHỐI HUYỆN			
		Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung	Dự toán giao đầu năm	Tổng số phát sinh bổ sung, điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung
			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm	
		1=5+9	2=6+10	3=7+11	4=8+12	5	6	7	8=5+6+7	9	10	11	12=9+10+11
A	B												
	- Chi quốc phòng địa phương	73.358	25.287	0	98.645	26.193	4.093		30.286	47.165	21.194	68.359	
11	Chi khác ngân sách	52.485	32.860	0	85.345	42.708	17.228		59.936	9.777	15.632	25.409	
	Trong đó: Chi bầu cử HĐND các cấp, bổ sung KH97	35.131	0	0	35.131	35.131			35.131			0	
III	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50.000	0	0	50.000	50.000			50.000			0	
IV	Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	0	0	2.910	2.910			2.910			0	
VI	Dự phòng ngân sách	199.810	0	0	199.810	112.196			112.196	87.614		87.614	
B	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500.000	498.525	0	998.525	335.000	463.525	0	798.525	165.000	35.000	200.000	
1	Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500.000	42.715	0	542.715	335.000	7.715	0	342.715	165.000	35.000	200.000	
	- Chi ĐT XD CB từ nguồn thu XS KT đầu năm	500.000	0	0	500.000	335.000			335.000	165.000		165.000	
	- Chi ĐT XD CB từ nguồn vốn số sổ kiến thiết thu vượt năm 2010	0	42.715	0	42.715		7.715		7.715		35.000	35.000	
2	Ghi chi học phí, ...	0	27.810	0	27.810		27.810		27.810			0	
3	Ghi chi viện phí,	0	428.000	0	428.000		428.000		428.000			0	



Phụ lục số III
BIỂU CÂN ĐỐI BỔ SUNG DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2011
(Kèm theo Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 6/ tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng.

STT	Phần thu	Số tiền	STT	Phần chi	Số tiền
1	2	3	1	2	3
A	TỔNG DỰ TOÁN THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	1.145.390	B	TỔNG DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG	1.143.741
I	Nguồn mang tính chất XDCB	477.766	I	Bổ sung dự toán chi đầu tư XDCB	552.918
-	Nguồn hỗ trợ miễn, giảm thuế năm 2009	145.572	1	Bổ sung dự toán chi khối tỉnh:	235.867
-	Nguồn chương trình mục tiêu quốc gia	6.000	-	Bổ sung chi dự án cầu Hóa An	100.000
-	Nguồn vay ưu đãi kiên cố hóa kênh mương	20.000	-	Bổ sung chi từ nguồn trái phiếu Chính Phủ	47.000
-	Nguồn thưởng vượt thu năm 2010	51.747	-	Bổ sung chi từ nguồn chương trình mục tiêu quốc gia	6.000
-	Nguồn bổ sung dự án cầu Hóa An	100.000	-	Bổ sung từ nguồn thu vượt sổ kế kiến thiết năm 2010 chuyển sang	7.715
-	Nguồn trái phiếu Chính phủ	47.000	-	Chi ĐT vốn đối ứng để XD cầu Thủ Biên	40.000
-	Nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2010	64.732	-	Chi ĐT xây dựng tái định cư phường Tân Biên (Trả nợ vay KBNN 300.000 trđ)	35.152
-	Nguồn thu vượt sổ kế kiến thiết	42.715	-		
			2	Bổ sung các đơn vị khối huyện	317.051
II	Nguồn thu mang tính chất thường xuyên	667.624	-	Bổ sung dự toán chi XDCB từ nguồn hỗ trợ miễn, giảm thuế năm 2009	145.572
-	Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia	64.414	-	Bổ sung dự toán chi kiên cố kênh mương	20.000
-	Nguồn thưởng vượt thu năm 2010 (sau khi loại trừ phần thưởng vượt thu chi đầu tư XDCB cho khối huyện)	286.966	-	Bổ sung dự toán chi XDCB từ nguồn thưởng vượt thu năm 2010	51.747
-	Hỗ trợ cho công tác bầu cử HĐND các cấp	17.885	-	Chi hỗ trợ các dự án đầu tư xã hội hóa	23.211

STT	Phần thu	Số tiền	STT	Phần chi	Số tiền
1	2	3	1	2	3
-	Nguồn dự kiến 50% tăng thu ngân sách tỉnh giao tăng dự toán thu nội địa (50% còn lại dành thực hiện cải cách tiền lương)	298.359	-	Chi hỗ trợ thực hiện khấu trừ thu tiền sử dụng đất năm 2008	41.521
			-	Chi XD CB từ nguồn thu vượt số kế hoạch năm 2010 chuyển sang	35.000
			II	Bổ sung dự toán chi thường xuyên	590.823
				Bổ sung dự toán chi cho các đơn vị khối tỉnh	259.310
				Bổ sung dự toán chi cho các đơn vị khối huyện	331.513
C	CÂN ĐỐI THU - CHI (A-B)	1.649			



Phụ lục IV

BỘ DUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC SỞ, BAN, NGÀNH KHỎI TỈNH NĂM 2011 (THEO LĨNH VỰC)

(Kèm theo Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG						DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG CỘNG	Bao gồm		TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	BỔ SUNG TĂNG			TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên				Tăng chi từ nguồn thường vượt thu	Tăng chi từ nguồn hỗ trợ từ NSTW	Tăng trợ cấp theo QĐ 471		CTMT QG	Thường xuyên
1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+6		
A	B												
	CHI THƯỜNG XUYÊN	1.793.198	0	1.793.198	259.310	64.414	194.896	175.637	17.885	1.374	2.052.508	64.414	1.988.09
1	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	16.500	0	16.500	4.000	0	4.000	4.000	0	0	20.500	0	20.50
	Chi trợ giá xe buýt, trợ cước	16.500		16.500	4.000		4.000	4.000			20.500	0	20.50
2	Chi sự nghiệp kinh tế	310.294	0	310.294	6.602	2.620	3.982	3.915	0	67	316.896	2.620	314.27
a	Chi sự nghiệp nông - Lâm nghiệp - PTNT	85.880	0	85.880	2.564	1.060	1.504	1.478	0	26	88.444	1.060	87.38
	Chi sự nghiệp lâm nghiệp	30.000		30.000	17		17			17	30.017	0	30.01
	Chi sự nghiệp nông nghiệp	47.000		47.000	1.097	460	637	628		9	48.097	460	47.63
	Sự nghiệp thủy lợi	8.880		8.880	1.450	600	850	850			10.330	600	9.73
	Sự nghiệp khác :	0			0		0				0	0	
b	Chi sự nghiệp công thương	10.439	0	10.439	564	560	5	0	0	5	11.003	560	10.44
	- Trung tâm Khuyến công	4.581		4.581	2		2			2	4.583	0	4.58
	- Trung tâm Xúc tiến thương mại	4.858		4.858	3		3			3	4.861	0	4.86
	- VP sở	1.000		1.000	560	560	0				1.560	560	1.00
c	Chi sự nghiệp giao thông	40.865	0	40.865	809	0	809	800	0	9	41.674	0	41.67
	Đoạn Quản lý đường bộ đường thủy nội địa	816		816	0		0				816	0	81
	Cảng vụ	0			800		800	800			800	0	80

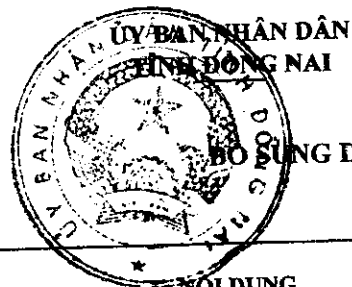
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG							DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG CỘNG	Bao gồm		BỔ SUNG TĂNG							TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên	TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	Bao gồm			CTMT QG		Thường xuyên	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+6	
	Trung tâm quản lý điều hành VTHK công cộng	2.049		2.049	9		9			9	2.058	0	2.058	
	Duy tu BDTX	18.000		18.000	0		0				18.000	0	18.000	
	Duy tu BDSC Lớn	20.000		20.000	0		0				20.000	0	20.000	
d	Chi sự nghiệp tài nguyên, địa chính, ..	46.610	0	46.610	0	0	0	0	0	0	46.610	0	46.610	
	Sự nghiệp địa chính, đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản	46.610		46.610	0		0				46.610	0	46.610	
e	Sự nghiệp quy hoạch	40.000		40.000	0		0				40.000	0	40.000	
f	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	86.500	0	86.500	2.665	1.000	1.665	1.637	0	28	89.165	1.000	88.165	
	Sự nghiệp môi trường	86.500		86.500	2.665	1.000	1.665	1.637		28	89.165	1.000	88.165	
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	495.795	0	495.795	47.617	30.763	16.854	16.231	0	623	543.412	30.763	512.649	
a	SN giáo dục	298.100		298.100	23.959	16.483	7.476	6.868		608	322.059	16.483	305.576	
b	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	197.695	0	197.695	23.658	14.280	9.378	9.364	0	15	221.353	14.280	207.073	
	Đại học Đồng Nai	36.100		36.100	777		777	777			36.877	0	36.877	
	Cao đẳng nghề	16.900		16.900	93		93	93			16.993	0	16.993	
	Cao đẳng Y tế	7.600		7.600	0		0				7.600	0	7.600	
	Trường Chính trị	9.000		9.000	5		5			5	9.005	0	9.005	
	Sở Lao động TB&XH	48.404		48.404	14.280	14.280	0				62.684	14.280	48.404	
	Sở Nội vụ	7.000		7.000	5		5	5			7.005	0	7.005	
	Sở Khoa học và Công nghệ	4.000		4.000	5.290		5.290	5.290			9.290	0	9.290	
	Sở Giáo dục - Đào tạo	15.922		15.922	0		0				15.922	0	15.922	
	Sở Y tế	6.000		6.000	0		0				6.000	0	6.000	
	Sở Ngoại vụ	500		500	0		0				500	0	500	
	Bộ chỉ huy QS tỉnh	4.000		4.000	2.500		2.500	2.500			6.500	0	6.500	
	Công an tỉnh	3.000		3.000	0		0				3.000	0	3.000	
	Sở Tài chính	2.320		2.320	0		0				2.320	0	2.320	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG						DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG CỘNG	Bao gồm		TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	BỔ SUNG TĂNG			TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên				Tăng chi từ nguồn thường vượt thu	Tăng chi từ nguồn hỗ trợ từ NSTW	Tăng trợ cấp theo QĐ 471		CTMT QG	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+6
	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	8.500		8.500	560		560	550		10	9.060	0	9.060
	Sở Giao thông Vận tải	1.600		1.600	0		0				1.600	0	1.600
	Hội Phụ nữ	50		50	0		0				50	0	50
	Tỉnh đoàn	1.883		1.883	0		0				1.883	0	1.883
	Công ty CP Xây dựng ĐN	230		230	64		64	64			294	0	294
	Sở Công thương				15		15	15			15	0	15
	Sở Xây dựng				45		45	45			45	0	45
	Sở Thông tin Truyền Thông				25		25	25			25	0	25
	Dạy nghề nông thôn	24.686		24.686	0		0				24.686	0	24.686
4	Chi sự nghiệp y tế	528.176	0	528.176	76.842	24.175	52.667	52.375	0	292	605.018	24.175	580.84
	Chi sự nghiệp y tế toàn ngành	374.876		374.876	26.600	24.175	2.425	2.135		290	401.476	24.175	377.30
	Ban Bảo vệ Sức khỏe	3.300		3.300	242		242	240		2	3.542	0	3.542
	Bảo hiểm Y tế	150.000		150.000	50.000		50.000	50.000			200.000	0	200.000
5	Chi SN Khoa học và Công nghệ	47.500	0	47.500	1.113	0	1.113	1.100	0	13	48.613	0	48.613
	Sở Khoa học - công nghệ	42.000		42.000	1.113		1.113	1.100		13	43.113	0	43.113
	Sở TT-TT	4.000		4.000	0		0	0			4.000	0	4.000
	Sở Xây dựng	1.500		1.500	0		0	0			1.500	0	1.500
	Khác	0		0	0		0	0			0	0	0
6	Chi SN Văn hóa, thể thao và du lịch	48.600	0	48.600	9.960	3.057	6.903	6.863	0	40	58.560	3.057	55.50
	Chi SN Văn hóa	31.100		31.100	6.724	3.057	3.667	3.641		27	37.824	3.057	34.76
	Chi SN du lịch	1.500		1.500	2		2	2		2	1.502	0	1.502
	Chi SN gia đình	1.500		1.500	0		0	0			1.500	0	1.500
	Chi SN thể dục - thể thao	14.500		14.500	3.234		3.234	3.222		12	17.734	0	17.734
7	Chi SN Phát thanh - truyền hình - thông tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Chi SN phát thanh	0		0	0		0	0			0	0	0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG						DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG QNG	Bao gồm		TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	BỔ SUNG TĂNG			TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên				Tăng chi từ nguồn vượt thu	Tăng chi từ nguồn hỗ trợ từ NSTW	Tăng trợ cấp theo QĐ 471		CTMT QG	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+6
	Chi SN Truyền hình	0			0		0				0	0	0
	Chi SN Thông tấn	0			0		0				0	0	0
8	Chi Đảm bảo xã hội	74.800	0	74.800	33.762	0	33.762	33.725	0	37	108.562	0	108.562
	Chi lương hưu	0			0		0				0	0	0
	Chi đảm bảo xã hội	74.800		74.800	22.689	0	22.689	22.652	0	37	97.489	0	97.489
	- Sự nghiệp do ngành quân lý	35.800		35.800	22.689		22.689	22.652		37	58.489	0	58.489
	- Quà, lễ, Tết cho đối tượng chính sách	33.000		33.000	0		0				33.000	0	33.000
	- Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo	6.000		6.000	0		0				6.000	0	6.000
	Bảo hiểm thất nghiệp				11.073		11.073	11.073			11.073		11.073
9	Chi Quản lý HCNN, Đảng, Đoàn thể	192.155	0	192.155	51.779	0	51.779	33.599	17.885	295	243.934	0	243.934
	<i>Chi QL HCNN</i>	138.894	0	138.894	50.185	0	50.185	32.065	17.885	235	189.079	0	189.079
	Văn phòng HĐND tỉnh	6.207		6.207	142		142	139		3	6.349	0	6.349
	Văn phòng UBND tỉnh	12.943		12.943	2.989		2.989	2.977		13	15.932	0	15.932
	Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng	1.124		1.124	35		35	34		1	1.159	0	1.159
	Sở Thông tin và truyền thông	3.047		3.047	8		8			8	3.055	0	3.055
	Sở Nội vụ	9.438		9.438	40.874		40.874	22.976	17.885	14	50.312	0	50.312
	Sở Kế hoạch và đầu tư	4.520		4.520	378		378	366		13	4.898	0	4.898
	Sở Khoa học và Công nghệ	3.274		3.274	63		63	54		10	3.337	0	3.337
	Thanh tra nhà nước	2.640		2.640	312		312	307		5	2.952	0	2.952
	Sở Công thương	13.788		13.788	878		878	852		26	14.666	0	14.666
	Sở Tài nguyên và môi trường	6.945		6.945	112		112	98		15	7.057	0	7.057
	Sở Tư pháp	5.463		5.463	263		263	256		7	5.726	0	5.726
	Sở Nông nghiệp và PTNT	20.665		20.665	31		31			31	20.696	0	20.696
	Sở Giao thông vận tải	7.874		7.874	12		12			12	7.886	0	7.886
	Sở Y tế	5.149		5.149	144		144	130		14	5.293	0	5.293

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG						DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG CỘNG	Bao gồm		TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	BỔ SUNG TĂNG			TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên				Tăng chi từ nguồn thưởng vượt thu	Tăng chi từ nguồn hỗ trợ từ NSTW	Tăng trợ cấp theo QĐ 471		CTMT QG	Thường xuyên
1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+6		
A	B												
	Hội Cựu Thanh niên xung phong	200		200	15		15	14		1	215	0	215
	Hội Nạn nhân chất độc Dacam/Dioxin	292		292	14		14	14		1	306	0	306
10	Chi an ninh quốc phòng	36.670	0	36.670	10.408	3.800	6.608	6.608	0	0	47.078	3.800	43.278
a	Chi Quốc phòng	26.193	0	26.193	4.093	0	4.093	4.093	0	0	30.286	0	30.286
	Tinh đội	26.193		26.193	4.093		4.093	4.093			30.286	0	30.286
b	Chi An ninh	10.477	0	10.477	6.315	3.800	2.515	2.515	0	0	16.792	3.800	12.992
	Công an	10.477		10.477	6.315	3.800	2.515	2.515			16.792	3.800	12.992
11	Chi khác Ngân sách	42.708	0	42.708	17.228	0	17.228	17.220	0	8	59.936	0	59.936
	Các đơn vị khác	8.577	0	8.577	2.228	0	2.228	2.220	0	8	10.805	0	10.805
	Sở Tư pháp	3.962		3.962	4		4			4	3.966	0	3.966
	Tinh đoàn	267		267	0		0				267	0	267
	Liên minh HTX tỉnh	80		80	0		0				80	0	80
	Sở Nội vụ	518		518	328		328	328			846	0	846
	Văn phòng UBND tỉnh	2.225		2.225	40		40	40			2.265	0	2.265
	Sở ngoại vụ	333		333	0		0				333	0	333
	Sở Thông tin và truyền thông	552		552	3		3			3	555	0	555
	Ban Quản lý các KCN	640		640	0		0				640	0	640
	Sở Kế hoạch Đầu tư	0			640		640	639		1	640	0	640
	Cục Thống kê	0			1.213		1.213	1.213			1.213	0	1.213
	Chi khác	34.131		34.131	15.000		15.000	15.000			49.131	0	49.131

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG						DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG		
		TỔNG CỘNG	Bao gồm		TỔNG CỘNG	CTMT QG	Thường xuyên	BỔ SUNG TĂNG			TỔNG CỘNG	Bao gồm	
			CTMT QG	Thường xuyên				Tăng chi từ nguồn thường vượt thu	Tăng chi từ nguồn hỗ trợ từ NSTW	Tăng trợ cấp theo QĐ 471		CTMT QG	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12	11=2+5	12=3+
	Sở Văn hoá thể thao và du lịch	3.787		3.787	6		6			6	3.793	0	3.
	Sở Xây dựng	4.052		4.052	3.282		3.282	3.272		10	7.334	0	7.
	Sở Tài chính	6.682		6.682	12		12			12	6.694	0	6.
	Sở Lao động thương binh và xã hội	6.597		6.597	211		211	200		11	6.808	0	6.
	Ban Dân tộc	2.928		2.928	313		313	308		5	3.241	0	3.
	Sở Giáo dục và đào tạo	5.011		5.011	4		4			4	5.015	0	5.
	Sở Ngoại vụ	2.973		2.973	7		7			7	2.980	0	2.
	Ban Quản lý các KCN	3.787		3.787	109		109	98		11	3.896	0	3.
	Đảng	40.000	0	40.000	830	0	830	796	0	34	40.830	0	40
		40.000		40.000	830		830	796		34	40.830	0	40
	Chi Đoàn thể	13.261	0	13.261	764	0	764	738	0	26	14.025	0	14.
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	1.779		1.779	4		4			4	1.783	0	1
	Hội người cao tuổi	315		315	10		10	10			325	0	
	Tinh đoàn	1.739		1.739	28		28	21		8	1.767	0	1
	Hội Liên hiệp phụ nữ	1.420		1.420	2		2			2	1.422	0	1
	Hội Nông dân	1.486		1.486	3		3			3	1.489	0	1
	Hội Cựu Chiến binh	922		922	1		1			1	923	0	
	Hội Nhà báo	318		318	102		102	102		0	420	0	
	Hội Văn học nghệ thuật	1.321		1.321	25		25	24		1	1.346	0	
	Hội Chữ Thập đỏ	738		738	447		447	446		1	1.185	0	
	Liên minh HTX tỉnh	1.375		1.375	3		3			3	1.378	0	
	Hội Luật gia	219		219	14		14	14			233	0	
	Hội Người mù	491		491	2		2			2	493	0	
	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật	346		346	94		94	93		1	440	0	
	Hội Khuyến học	300		300	0		0				300	0	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Phụ lục số V
BỘ SƯNG DỰ TOÁN CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ LONG KHÁNH VÀ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA NĂM 2011
(Kèm theo Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	KHỐI HUYỆN											
		TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRẢNG BOM	THÔNG NHẤT	ĐÌNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHON TRACH
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG (A+B)	648.564	109.672	37.762	35.832	45.076	54.271	52.657	38.638	62.520	44.581	55.203	112.353
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II)	613.564	103.672	35.762	33.832	41.076	50.271	50.657	34.638	58.520	40.581	55.203	109.353
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	282.051	20.133	16.506	15.342	15.592	21.017	18.969	15.466	32.724	16.786	16.814	92.702
1	Chi ĐT từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ giảm thu ngân sách địa phương 2009	145.572	0	11.000	12.000	12.000	12.000	12.000	11.000	12.000	12.000	11.572	40.000
2	Chi ĐT từ nguồn thường vượt thu dự toán năm 2010	51.747	20.133	5.506	3.342	1.092	294	1.469	1.593	7.629	786	3.633	6.270
3	Chi ĐT chương trình kiên cố hóa kênh mương từ nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi	20.000				2.500	3.000	5.500		5.000	4.000		
4	Chi ĐT phát triển khác (hỗ trợ huyện Nhơn Trạch thực hiện khâu trừ từ nguồn tiền sử dụng đất đã thu năm 2008)	41.521											41.521
5	Chi hỗ trợ các dự án đầu tư xã hội hóa	23.211					5.723		2.873	8.095		1.609	4.911
II	Chi thường xuyên	331.513	83.539	19.256	18.490	25.484	29.253	31.688	19.172	25.796	23.795	38.389	16.651
1	Chi sự nghiệp kinh tế. Trong đó:	73.065	55.000	3.000	0	4.004	0	0	8.774	0	0	0	2.287
	- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	63.764	55.000	3.000		703			2.774				2.287
	- Sự nghiệp tài nguyên, địa chính	1.061				1.061							
	- Sự nghiệp quản lý môi trường	8.240				2.240			6.000				
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	70.574	8.503	4.972	5.123	8.188	6.810	6.839	1.102	6.889	8.752	8.831	4.565
	- Chi sự nghiệp giáo dục	63.094	8.503	4.497	5.123	8.013	6.810	2.499	1.102	4.399	8.752	8.831	4.565
	- Chi sự nghiệp đào tạo	7.480		475		175		4.340		2.490			
3	Chi đảm bảo xã hội	113.978	12.090	5.496	9.291	9.534	17.320	17.162	5.574	13.271	10.031	8.857	5.354
4	Chi quản lý hành chính	5.280	423	1.492	269	170	184	220	120	348	521	154	380
	- Chi quản lý Nhà Nước	5.280	423	1.492	269	170	184	220	120	348	521	154	380
	- Chi hỗ trợ ngân sách Đảng, các tổ chức CTXH	0											
	- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	0											
5	Chi An ninh - Quốc phòng xã	52.984	7.522	4.295	3.807	3.588	4.940	6.467	3.602	5.290	4.491	4.916	4.065

ST T	NỘI DUNG	KHÔI HUYỆN											
		TỔNG CỘNG	BIÊN HÒA	VĨNH CỬU	TRĂNG BOM	THỐNG NHẤT	ĐỊNH QUÁN	TÂN PHÚ	LONG KHÁNH	XUÂN LỘC	CẨM MỸ	LONG THÀNH	NHƠN TRẠCH
A	B	1=2+...+12	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an . . . hội	31.790	4.513	2.577	2.284	2.153	2.964	3.880	2.161	3.174	2.695	2.950	2.439
	- Quốc phòng	21.194	3.009	1.718	1.523	1.435	1.976	2.587	1.441	2.116	1.796	1.966	1.626
6	Chi khác ngân sách	15.632	0									15.632	
B	CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI CHI QUẢN LÝ QUA NS	35.000	6.000	2.000	2.000	4.000	4.000	2.000	4.000	4.000	4.000	0	3.000
1	Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	35.000	6.000	2.000	2.000	4.000	4.000	2.000	4.000	4.000	4.000	0	3.000
	- Chi ĐT XD CB từ nguồn vốn xổ số kiến thiết thu vượt năm 2010	35.000	6.000	2.000	2.000	4.000	4.000	2.000	4.000	4.000	4.000		3.000

BÁO CÁO

**Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương
06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước,
chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2011**

Thực hiện Nghị quyết số 192/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VII - kỳ họp thứ 21 về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách tỉnh Đồng Nai 06 tháng cuối năm 2010; Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách tỉnh, bổ sung ngân sách cấp dưới tỉnh Đồng Nai năm 2011;

UBND tỉnh Đồng Nai đánh giá ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2011 như sau:

Phần I

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN VÀ CHI NSDP
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2011**

**I. Ước thiện thực hiện thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2011:
(có biểu thu từng lĩnh vực đính kèm)**

Thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 06/01/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết số 187/2010/NQ-HĐND ngày 9/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2011 trong tình hình chung của cả nước đang nỗ lực thực hiện kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội.

Năm 2011 là năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2011 - 2015, của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2011 có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2011-2015. Tình hình kinh tế thế giới năm 2011 dự báo còn nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều khó khăn, thách thức trong bối cảnh nền kinh tế nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, đòi hỏi phải nắm bắt kịp thời các diễn biến tình hình kinh tế, xã hội trong và ngoài nước, tăng cường chỉ đạo điều hành bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống nhân dân.

Trong 06 tháng đầu năm 2011, mặc dù tình hình thực tế còn nhiều diễn biến phức tạp, giá cả một số mặt hàng thiết yếu như: Điện, xăng dầu, xi măng, sắt, thép, lương thực, thực phẩm... tăng cao dẫn đến lạm phát 06 tháng đầu năm 2011 đạt đến hai con số nhưng Chính phủ cũng đã có những giải pháp can thiệp kịp thời cùng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, Mặt trận, đoàn thể các cấp nên kinh tế của tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Để đảm bảo thực hiện đạt và vượt dự toán ngân sách được giao, ngay từ đầu năm 2011, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành Tài chính Đồng Nai (Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan) phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và các sở, ngành liên quan tăng cường phối hợp trong việc tổ chức thực hiện thu ngân sách trên toàn địa bàn. Theo đó, kết quả thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2011 đạt như sau:

1. Ước thực hiện thu ngân sách 06 tháng đầu năm 2011:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn: 11.799.696 triệu đồng, đạt 59% dự toán năm và bằng 143% so cùng kỳ.

Trong đó:

* Ước các khoản thu cân đối ngân sách: 11.463.572 triệu đồng, đạt 59% dự toán năm và bằng 143% so cùng kỳ.

- Ước thực hiện thu nội địa đạt: 6.499.489 triệu đồng, đạt 54% dự toán năm, tăng 35% so với cùng kỳ (*Trừ thu tiền sử dụng đất thì thu nội địa ước đạt: 6.360.226 triệu đồng, đạt 56% dự toán năm, tăng 42% so với cùng kỳ*).

- Ước thực hiện thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 4.964.083 triệu đồng, đạt 65% dự toán năm, bằng 154% so với cùng kỳ.

* Ước thực hiện các khoản thu được để lại chi quản lý qua ngân sách (*Thu lĩnh vực xổ số kiến thiết*): 336.124 triệu đồng, đạt 67% dự toán năm và bằng 144% so với cùng kỳ.

2. Đánh giá thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2011:

Thu ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm 2011 trên địa bàn tỉnh đạt 59% so dự toán năm và bằng 143% so cùng kỳ năm 2010.

*** Về thu nội địa:**

- 06 tháng đầu năm có 10/16 lĩnh vực thu ước thực hiện trên 50% so dự toán năm. Trong đó, các lĩnh vực thu chiếm tỷ trọng lớn như: Doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, thuế thu nhập cá nhân đều vượt trên 50% so với dự toán.

* **Về lĩnh vực xuất nhập khẩu:** 06 tháng đầu năm 2011 đạt 65% so dự toán năm, bằng 154% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu: thu đạt 49% so dự toán năm và bằng 73% so cùng kỳ. Trong đó số thu thuế xuất, nhập khẩu của một số ngành hàng tăng cao so cùng kỳ năm trước như: Hạt điều 9,91

triệu USD, tăng 264%, tương ứng tăng 7,19 triệu USD; cà phê 33,8 triệu USD, tăng 341%, tương ứng tăng 26,1 triệu USD; sữa và các sản phẩm sữa 4,3 triệu USD, tăng 81%, tương ứng tăng 1,93 triệu USD; dầu mỡ động thực vật 1,17 triệu USD, tăng 576%, tương ứng tăng 998 ngàn USD....

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: đạt 73% so dự toán cả năm.

Qua 6 tháng đầu năm 2011, đã thu thuế hơn 4.964 tỷ đồng, đạt 65% chỉ tiêu Pháp lệnh năm và bằng 154% so với cùng kỳ. Ngoài ra, đã phát hiện và xử phạt hành chính nhiều trường hợp vi phạm về lĩnh vực hải quan. Nguyên nhân chính thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng là do trong những tháng đầu năm 2011, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã tăng lượng hàng nhập khẩu như nguyên liệu thuốc lá, sắt thép, hóa chất, xăng dầu để tiêu thụ nội địa nên số thuế thu được từ hàng hóa nhập khẩu tăng đáng kể.

3. Những nguyên nhân tác động đến công tác tổ chức thu ngân sách:

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy và Nghị quyết HĐND tỉnh, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp, biện pháp điều hành, quản lý thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2011. Mặt khác, cùng với sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của cấp ủy, UBND các cấp chính quyền địa phương và cơ sở cũng đã góp phần tích cực trong việc tổ chức thực hiện thu ngân sách nhà nước trên toàn địa bàn tỉnh.

- Ngành Thuế Đồng Nai đã triển khai kịp thời nhiều biện pháp quản lý thu, chủ động khai thác tốt các nguồn thu như: Theo dõi sát khâu cấp phép thành lập doanh nghiệp để đôn đốc thu kịp thời các khoản thuế nhà thầu phát sinh trong quá trình xây dựng; kiểm tra, kiểm soát số lượng doanh nghiệp mới thành lập để đưa vào diện quản lý, kê khai nộp thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quyết toán thuế; tăng cường thu hồi nợ đọng...

Đối với công tác hoàn thuế, đã đẩy nhanh tiến độ hoàn thuế GTGT cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đủ điều kiện hoàn thuế, thông qua đó công tác thu nộp ngân sách cũng được thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp có nguồn để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, nhất là đối với những doanh nghiệp nợ thuế.

- Biện pháp quản lý thuế của cơ quan thuế các cấp ngày càng nâng cao, đồng thời đối tượng nộp thuế ngày càng nắm bắt chính sách thuế tốt hơn, nên việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Thông tư số 157/2007/TT-BTC ngày 24/12/2007 của Bộ Tài chính ngày càng hiệu quả hơn.

- Ngay từ đầu năm 2011, ngành Hải quan Đồng Nai đã tiến hành nhiều biện pháp đôn đốc thu và theo dõi chặt chẽ các khoản thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu, đồng thời triển khai tốt các chính sách và giải pháp cụ thể hỗ trợ doanh nghiệp.

** Một số nguyên nhân do chính sách thuế của Nhà nước:*

Các quy định mới về chính sách ưu đãi, gia hạn, miễn giảm, hoàn thuế, quản lý, đăng ký, kê khai, phương pháp giao dịch điện tử, phương pháp xác định thuế, nghĩa vụ thuế, quản lý in, phát hành, sử dụng chứng từ hóa đơn và thanh tra kiểm tra xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế như:

- Thực hiện Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Thực hiện Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành chi tiết Luật Thuế giá trị gia tăng, thu hẹp miễn giảm thuế giá trị gia tăng đối với các danh mục máy móc, thiết bị vật tư loại trong nước chưa sản xuất được nếu không phục vụ cho hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển dầu mỏ, khí đốt, dàn khoan, tàu thủy thì phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định; Thông tư số 92/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 hướng dẫn thủ tục gia hạn nộp thuế và hoàn thuế GTGT đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư XD thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp.

- Thực hiện Thông tư 12/2011/TT-BTC ngày 26/01/2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và sửa đổi Thông tư số 02/2010/TT-BTC ngày 11/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính.

- Triển khai Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

- Thực hiện Quyết định 21/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế năm 2011.

- Việc áp dụng Thông tư số 18/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Việc thay đổi giá bán điện theo Quyết định số 645/QĐ-BTC ngày 21/03/2011 của Bộ Tài chính về việc công bố giá bán điện thương phẩm bình quân áp dụng làm giá tính thuế tài nguyên nước thiên nhiên sản xuất thủy điện năm 2011 làm tăng số thu đối với sản lượng tiêu thụ của các đơn vị sản xuất, cung cấp điện như: Công ty Thủy điện Trị An, điện Nhơn Trạch...

- Cải cách thủ tục hành chính, triển khai hải quan điện tử mang lại hiệu quả cao; giúp doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại và lập kế hoạch tương đối chính xác cho việc thông quan hàng hóa.

II. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2011: (có biểu chi tiết đính kèm)

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm 2011: 3.332.213 triệu đồng, đạt 46% dự toán năm và bằng 142% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách: 3.031.271 triệu đồng, đạt 45% dự toán năm và bằng 138% so với cùng kỳ.

+ Chi đầu tư phát triển: 1.031.448 triệu đồng, đạt 45% dự toán năm.

+ Chi thường xuyên: 1.996.348 triệu đồng, đạt 47% dự toán năm, bằng 119% so với cùng kỳ.

+ Chi dự phòng ngân sách (*phòng chống dịch cúm gia cầm*): 3.475 triệu đồng.

- Chi từ các khoản chi quản lý qua ngân sách (đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn thu xổ số kiến thiết): 300.942 triệu đồng, đạt 60% dự toán năm.

1. Chi Đầu tư phát triển:

Chi đầu tư phát triển 06 tháng đầu năm 2011 trên địa bàn tỉnh ước đạt 45% so dự toán năm. Trong đó: Chi đầu tư XDCB từ nguồn vốn tập trung ước đạt 51% so với dự toán; chi xây dựng cơ bản từ nguồn tiền sử dụng đất ước đạt 33%.

Trong đó:

Ngay từ đầu năm 2011, thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã bổ sung 145.521 triệu đồng từ nguồn hỗ trợ miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 cho ngân sách địa phương và được ưu tiên bố trí XDCB cho lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại 33 xã điểm theo Kế hoạch 97 của Tỉnh ủy.

Về quy trình chi đầu tư XDCB 06 tháng đầu năm đã có những chuyển biến tích cực như các chủ đầu tư và nhà thầu đã quan tâm phối hợp lập thủ tục giải ngân kịp thời nên kết quả thực hiện giải ngân đạt kết quả cao.

Tuy nhiên, về tiến độ thực hiện chi XDCB vẫn còn gặp một số khó khăn như giá cả một số vật tư, vật liệu chủ yếu tăng, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn gặp một số khó khăn, vướng mắc... Một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình hỗ trợ của Trung ương như xây dựng nhà ở cho người nghèo còn hạn chế do quá trình tổ chức thực hiện còn chậm.

Ngoài ra, một số công trình khởi công mới do thực hiện Nghị quyết số 11/CP và các văn bản hướng dẫn nên trong 06 tháng đầu năm chưa thực hiện giải ngân cũng ảnh hưởng phần nào đến tiến độ chi XDCB.

2. Chi thường xuyên:

Ước thực hiện chi thường xuyên 06 tháng đầu năm 2011 đạt 47% dự toán năm, bằng 119% so với cùng kỳ năm trước; đảm bảo kịp thời kinh phí hoạt động cho các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Chi sự nghiệp kinh tế: Ước đạt 30% dự toán năm và bằng 107% so cùng kỳ. Trong đó chi sự nghiệp quản lý môi trường ước đạt 22% dự toán năm và bằng 93% so cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo: Ước chi đạt 45% dự toán, bằng 113% so với cùng kỳ. Ngành giáo dục đã tập trung bố trí chi được cho các dự án, đề án phục vụ nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh như: Chi cho các trường trung học phổ thông, các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý; Tập trung xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và giai đoạn, 1 của Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020; đồng thời triển khai năm nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm (*Tiếp tục hoàn thiện thể chế; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý; Đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục; Chăm lo, đầu tư phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Công tác kế hoạch, tài chính và tăng cường cơ sở vật chất; Công tác hợp tác quốc tế*).... Tuy nhiên, đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, hiện ngân sách địa phương vẫn chưa đủ nguồn để cân đối theo nhu cầu cần thiết của ngành giáo dục để phân bổ các nội dung chi như tăng giờ, đảm bảo đủ định mức giữa chi cho con người và cho chi hoạt động.

- Chi quản lý hành chính ước đạt 57% dự toán năm bằng 131% so với cùng kỳ, chủ yếu tăng chi ở lĩnh vực này là do thực hiện chi cho các công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, hỗ trợ chi trợ cấp Tết Nguyên đán cho các đối tượng nghèo, cán bộ công chức có mức lương cơ bản thấp, giải quyết kịp thời tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu chung và Nghị định số 23/2011/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ cho các đơn vị khối tỉnh và ngân sách khối huyện, xã.

- Chủ động và cân đối bố trí nguồn về việc trợ cấp khó khăn đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người hưởng lương hưu có mức lương thấp, người hưởng trợ cấp ưu đãi người có công và hộ nghèo đời sống khó khăn theo Quyết định số 471/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhìn chung, chi ngân sách 06 tháng đầu năm cơ bản đáp ứng kịp thời kinh phí cho hoạt động, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thực hành tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, chi ngân sách đúng tiêu chuẩn, định mức và trong dự toán, hạn chế tối đa bổ sung chi ngoài dự toán.

3. Công tác tài chính khác:

- Thực hiện hỗ trợ chi trợ cấp Tết nguyên đán cho các đối tượng nghèo, cán bộ công chức có mức lương cơ bản thấp.

- Thực hiện giải quyết kịp thời tiền lương tăng thêm theo Nghị định số 22/2011/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu chung và Nghị định số 23/2011/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng

tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ cho các đơn vị khôi tỉnh và ngân sách khối huyện, xã.

- Đề nghị Bộ Tài chính xét thưởng vượt dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2010 và đề nghị hỗ trợ một số chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/02/2011 về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội như sau:

+ Chủ động sắp xếp lại các nhiệm vụ chi để tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên của 9 tháng còn lại trong dự toán năm 2011 (*không bao gồm chi tiền lương và các khoản có tính chất lương, chi chế độ chính sách cho con người và tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo kế hoạch đầu năm*).

+ Hạn chế bổ sung ngân sách ngoài dự toán, trừ các trường hợp thực hiện theo chế độ, chính sách do Thủ tướng Chính phủ quyết định và các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh trong quá trình điều hành.

+ Tạm dừng mua sắm ô tô các loại, máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị văn phòng, giảm chi tối đa chi phí điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu ..., không bố trí kinh phí cho những nội dung chưa thật sự cấp thiết.

+ Xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện, phấn đấu tiết kiệm sử dụng điện 10% theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 09/01/2011 của Chính phủ.

+ Thực hiện việc tiết giảm tối đa chi phí tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội thi, sơ kết, tổng kết, lễ kỷ niệm, đi công tác trong và ngoài nước.

- Chuẩn bị công tác xây dựng dự toán ngân sách năm 2012.

Phần II **NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH** **NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG** **06 THÁNG CUỐI NĂM 2011**

Qua đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2011 và dự báo kinh tế cả nước nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng cho thấy tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta được duy trì, các doanh nghiệp đã dần ổn định và có bước phát triển, tạo ra nhiều việc làm hơn, chính sách về tiền lương được cải thiện tăng lên kéo theo sức mua, tiêu dùng tăng... đó là dấu hiệu đáng mừng tạo ra khả năng và điều kiện để đạt được kết quả cao trong 06 tháng cuối năm. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết 11/CP về phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2011 trên địa bàn tỉnh tăng từ 11-12% so với dự toán đầu năm, ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2011 như sau:

*** Thu NSNN trên địa bàn tỉnh năm 2011: 22.602.910 triệu đồng.**
Tăng 13% so với dự toán đầu năm và tăng 15% so với cùng kỳ.

Trong đó:

- Tổng thu cân đối ngân sách:	21.647.100 triệu đồng.
Tăng 11% so với dự toán đầu năm và tăng 14% so với cùng kỳ.	
+ Thu nội địa:	13.254.100 triệu đồng.
Tăng 11% so với dự toán đầu năm và tăng 13% so với cùng kỳ.	
+ Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu:	8.393.000 triệu đồng.
Tăng 10% so với dự toán đầu năm và tăng 15% so với cùng kỳ.	
- Thu quản lý qua ngân sách:	955.810 triệu đồng.
Tăng 91% so với dự toán đầu năm và tăng 59% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng về nội dung ghi thu học phí và viện phí	
Trong đó:	
+ Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết:	500.000 triệu đồng.
Bằng 100% so với dự toán đầu năm và đạt 83% so với cùng kỳ.	
+ Ghi thu học phí:	27.810 triệu đồng.
+ Ghi thu viện phí:	428.000 triệu đồng.
* Chi ngân sách địa phương năm 2011:	8.839.933 triệu đồng.
Tăng 22% so với dự toán đầu năm.	
Bao gồm:	
- Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước:	7.841.408 triệu đồng.
Tăng 16% so với dự toán đầu năm.	
Trong đó:	
+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	2.792.203 triệu đồng.
Tăng 22% so với dự toán đầu năm.	
+ Chi thường xuyên:	4.796.485 triệu đồng.
Tăng 14% so với dự toán đầu năm.	
+ Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương:	50.000 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách:	199.810 triệu đồng.
+ Chi lập hoặc bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	2.910 triệu đồng.
- Chi quản lý qua ngân sách:	998.525 triệu đồng.
Tăng 100% so với dự toán đầu năm do thực hiện ghi chi học phí, viện phí.	
Trong đó:	
+ Chi đầu tư XDCCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	542.715 triệu đồng.
Tăng 09% so với dự toán đầu năm do thực hiện chi đầu tư XDCCB từ nguồn thu vượt năm 2010 chuyển sang.	
+ Ghi chi học phí:	27.810 triệu đồng.
+ Ghi chi viện phí:	428.000 triệu đồng.

Để đạt được các chỉ tiêu trên, nhiệm vụ còn lại của 06 tháng cuối năm là rất lớn, đòi hỏi các ngành, cấp cấp chính quyền địa phương phải cố gắng phấn đấu và nỗ lực thực hiện, cụ thể như sau:

*** Về thu NSNN trên địa bàn 6 tháng cuối năm: 10.803.194 triệu đồng.**

Trong đó:

- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước: 10.183.508 triệu đồng.
- + Thu nội địa: 6.754.591 triệu đồng.
- + Thu lĩnh vực xuất nhập khẩu: 3.428.917 triệu đồng.
- Thu quản lý qua ngân sách: 619.686 triệu đồng.

Trong đó:

- + Thu từ lĩnh vực xố số kiến thiết: 163.876 triệu đồng.
- + Ghi thu học phí: 27.810 triệu đồng.
- + Ghi thu viện phí: 428.000 triệu đồng.

*** Về chi NSDP 6 tháng cuối năm: 5.507.720 triệu đồng.**

Trong đó:

- Chi cân đối ngân sách : 4.810.137 triệu đồng.
- + Chi đầu tư phát triển: 1.760.755 triệu đồng.
- + Chi thường xuyên: 2.800.137 triệu đồng.
- + Chi tạo nguồn thực hiện Cải cách tiền lương: 50.000 triệu đồng.
- + Chi dự phòng ngân sách: 196.335 triệu đồng.
- + Chi bổ sung quỹ dự trữ Tài chính: 2.910 triệu đồng.
- Chi quản lý qua ngân sách: 697.583 triệu đồng.

Trong đó:

- + Chi đầu tư XD CB từ nguồn thu xố số kiến thiết: 241.773 triệu đồng.
- + Ghi chi học phí: 27.810 triệu đồng.
- + Ghi chi viện phí: 428.000 triệu đồng.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ thu - chi ngân sách 06 tháng cuối năm 2011, UBND tỉnh đề ra các giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Về thu ngân sách nhà nước:

- Tiếp tục thực hiện Đề án hiện đại hóa quy trình thu NSNN, tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính trên cơ sở rà soát, sửa đổi các thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, thuận tiện, giảm chi phí cho đối tượng nộp thuế. Thực hiện thống nhất về các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế, công khai về thời gian và nội dung giải quyết công việc tại từng khâu, từng bộ phận nhằm nâng cao trình độ, năng lực và đạo đức nghề nghiệp của cán bộ thuế. Đánh giá sơ kết công tác phối hợp thu thuế qua ngân hàng, trên cơ sở đó có kế hoạch triển khai rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Ngành tài chính tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp trong công tác quản lý thu thuế đối với từng cấp, từng đơn vị để quản lý tốt nguồn thu. Rà soát, đánh giá nguồn thu để kịp thời ban hành những giải pháp quản lý hiệu quả, kiến nghị các biện pháp sát với tình hình thực tế của tỉnh.

- Ngành thuế tiếp tục tăng cường kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của người nộp thuế, phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, không kịp thời số thuế phải nộp để có các biện pháp chấn chỉnh kịp thời; thí điểm và đẩy mạnh việc ứng dụng tin học trong kê khai thuế. Thường xuyên phối hợp với Kho bạc Nhà nước và chủ đầu tư để nắm tiến độ thanh toán vốn XDCB từ đó tổ chức thu thuế kịp thời vào ngân sách, nhất là các đơn vị vắng lai.

- Tập trung kiểm tra rà soát, xác định chính xác số thuế nợ đọng của từng sắc thuế, từng đối tượng nợ thuế, đánh giá phân loại theo tình trạng và nguyên nhân của từng khoản nợ thuế để có biện pháp xử lý thu hồi nợ kịp thời.

- Đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế cho người dân. Tổ chức điều tra nhu cầu của xã hội và người nộp thuế để có biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ sát thực.

- Tăng cường phối hợp giữa các đơn vị liên quan để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản công, quản lý sử dụng đất đai. Đẩy mạnh các biện pháp quản lý, khai thác tăng thu đối với các khoản thu liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của từng bộ phận; Thực hiện tốt quan hệ phối hợp giữa các bộ phận chức năng trong cơ quan thuế các cấp để nâng cao hiệu quả các quy trình quản lý thuế, từ đó phát huy các chức năng hành thu như hỗ trợ tư vấn thuế, quản lý kê khai thuế, thu nợ thuế, thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở lĩnh vực xuất nhập khẩu như triển khai hải quan điện tử để công tác thông quan hàng hóa được nhanh chóng, thuận lợi.

2. Về chi ngân sách địa phương:

- Căn cứ nhiệm vụ thu, chi 06 tháng cuối năm 2011 và trên cơ sở dự toán được giao đầu năm 2011, các ngành, các cấp dự kiến khả năng thu, rà soát các lĩnh vực chi và nội dung chi gắn với nhiệm vụ của cấp, ngành, đơn vị để điều hành chi đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

- UBND tỉnh tiếp tục thực hiện việc kiểm tra tình hình triển khai XDCB và điều hành ngân sách đối với các đơn vị khối huyện để bám sát tình hình của địa phương, từ đó có những chỉ đạo sâu, sát, kịp thời.

- Các ngành, các cấp các đơn vị tiếp tục tăng cường, nâng cao công tác quản lý tài sản công theo Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội.

- Thực hiện các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện khối lượng xây dựng cơ bản và thanh toán vốn xây dựng cơ bản như:

+ Tập trung đơn đốc các chủ đầu tư làm việc với đơn vị thi công nghiệm thu công trình để có khối lượng giải ngân đúng tiến độ.

+ Rà soát lại những dự án đầu tư đã bố trí vốn; ưu tiên bố trí vốn cho những dự án có khả năng giải ngân được trong năm 2011.

- Chỉ đạo khôi huyện sử dụng nguồn thường vượt thu dự toán năm 2010 tập trung ưu tiên bố trí cho các dự án trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để xây dựng dự toán ngân sách năm 2012, đồng thời tập trung hoàn thành công tác quyết toán thu - chi ngân sách năm 2010.

- Bổ sung chi thường xuyên 06 tháng cuối năm 2011 như: Giáo dục đào tạo, y tế, an ninh - quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội... do đầu năm cân đối nhưng chưa có nguồn bố trí: 590.823 triệu đồng (*Trong đó: Khối tỉnh: 259.310 triệu đồng; Khối huyện: 331.513 triệu đồng*).

- Tăng cường và quản lý chặt chẽ hơn nữa trong công tác chi ngân sách; thường xuyên kiểm tra về thực hiện chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức ở các đơn vị sử dụng kinh phí nhà nước cụ thể: Mua sắm tài sản, hội nghị, tập huấn, công tác phí, tiếp khách... để kịp thời chấn chỉnh những sai sót, nâng cao hiệu quả việc sử dụng kinh phí ngân sách, hạn chế chi bổ sung cho hoạt động của các cơ quan hành chính; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí ngân sách; rà soát và tăng cường công tác điều hành, quản lý về hoạt động thu - chi của các hội, đoàn thể.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

- Giải quyết kịp thời và đầy đủ kinh phí cho các chế độ, chính sách an sinh xã hội phát sinh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo ước thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng đầu năm và các giải pháp thực hiện thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương 06 tháng cuối năm 2011, UBND tỉnh kính báo cáo trình HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII - kỳ họp thứ 2 xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

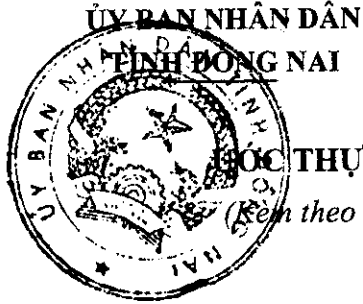
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục thuế Đồng Nai;
- Cục Hải quan Đồng Nai;
- Chánh, Phó văn phòng;
- Lưu VT, TH, KT.

@ĐiềnKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái



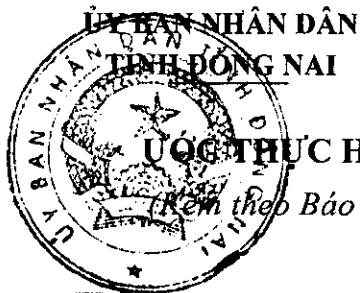
QUỐC THỰC HIỆN THU NSNN TỈNH ĐỒNG NAI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2011

(Kèm theo Báo cáo số 4510/BC-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung các khoản thu	Dự toán 2011	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh %	
			LK/DT	LK/CK
A	1	2	3=2/1	4=2/CK
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	20.080.000	11.799.696	59%	143%
A. TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	19.580.000	11.463.572	59%	143%
I. THU NỘI ĐỊA	11.950.000	6.499.489	54%	135%
<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất)</i>	<i>11.450.000</i>	<i>6.360.226</i>	<i>56%</i>	<i>142%</i>
1. Thu từ DNNN Trung ương	1.430.000	892.231	62%	144%
- Thuế giá trị gia tăng	760.800	372.613	49%	133%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	610.000	490.484	80%	155%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.700	709	42%	104%
- Thuế tài nguyên	55.000	22.339	41%	125%
- Thuế môn bài	480	497	104%	88%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	2.020	5.589	277%	121%
2. Thu từ DNNN địa phương	1.850.000	982.418	53%	120%
- Thuế giá trị gia tăng	687.870	248.075	36%	100%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	256.942	54%	111%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	660.000	448.038	68%	140%
- Thuế tài nguyên	20.000	27.679	138%	122%
- Thuế môn bài	635	680	107%	96%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	1.495	1.004	67%	5906%
3. Thu từ xí nghiệp có vốn ĐTNN	4.030.000	2.165.407	54%	143%
- Thuế giá trị gia tăng	2.143.800	768.816	36%	109%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800.000	1.348.217	75%	172%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	28.500	25.219	88%	239%
- Thuế tài nguyên	200	132	66%	206%
- Thuế môn bài	2.500	2.536	101%	97%
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	35.000	11.293	32%	121%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	20.000	9.194	46%	246%
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.164.000	1.084.455	50%	155%
- Thuế giá trị gia tăng	1.723.000	777.102	45%	144%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.000	247.771	67%	233%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	9.000	7.202	80%	113%
- Thuế tài nguyên	15.000	8.224	55%	96%
- Thuế môn bài	37.000	36.164	98%	99%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	10.000	7.991	80%	272%

Nội dung các khoản thu	Dự toán 2011	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh %	
			LK/DT	LK/CK
A	1	2	3=2/1	4=2/CK
5. Lệ phí trước bạ	320.000	168.066	53%	163%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp		616		122%
7. Thuế nhà đất	40.000	21.368	53%	182%
8. Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	860.724	66%	169%
9. Thu phí, lệ phí	90.000	45.532	51%	116%
10. Thuế chuyển quyền sử dụng đất		591		96%
11. Thu tiền sử dụng đất	500.000	139.263	28%	42%
12. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	50.000	65.921	132%	319%
13. Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN		1.784		299%
14. Thu phí giao thông qua xăng dầu	90.000	49.159	55%	124%
15. Thu khác ngân sách	80.000	19.101	24%	19%
16. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	6.000	2.853	48%	188%
II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.630.000	4.964.083	65%	154%
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, hàng hóa nhập khẩu	2.590.000	1.263.568	49%	87%
- Thuế VAT hàng nhập khẩu	5.040.000	3.700.515	73%	209%
B. THU HUY ĐỘNG Đ.TU' XD.CSHT THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN (trái phiếu Hồ Cầu Mới)				
C. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI CHI Q.LÝ QUA NS	500.000	336.124	67%	144%
Tr.đó: . Thu từ lĩnh vực xố số kiến thiết	500.000	336.124	67%	144%



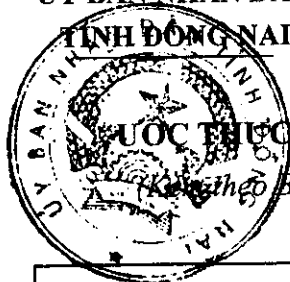
QUỐC THỰC HIỆN CHI NSDP TỈNH ĐỒNG NAI 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2011

(Kèm theo Báo cáo số 4510/BC-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2011	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh %	
			LK/ DT	LK/ CK
A	1	2	3=2/1	4=2/CK
TỔNG CHI NSDP (A+B), TRONG ĐÓ:	7.240.382	3.332.213	46%	142%
A- Chi cân đối ngân sách địa phương:	6.740.382	3.031.271	45%	138%
I- Chi đầu tư phát triển:	2.282.000	1.031.448	45%	199%
1- Chi đầu tư XDCB tập trung	1.700.000	864.564	51%	231%
2- Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000	165.717	33%	126%
3- Chi XDCB từ chương trình mục tiêu		0		
4- Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ của ngân sách TW	80.000	0		
5- Chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp	2.000	1.167	58%	41%
6- Chi đầu tư phát triển khác				
II- Chi thường xuyên, trong đó:	4.205.662	1.996.348	47%	119%
1- Chi trợ giá theo chính sách	16.500	4.716	29%	72%
2- Chi sự nghiệp kinh tế. Trong đó:	506.927	150.604	30%	107%
- Sự nghiệp nông nghiệp	77.352	29.196	38%	69%
- Sự nghiệp lâm nghiệp	47.431	6.000	13%	
- Sự nghiệp thủy lợi, thủy sản	15.122	7.594	50%	
- Sự nghiệp giao thông	69.293	20.199	29%	113%
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	36.172	27.000	75%	
- Sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61.246	20.907	34%	
- Sự nghiệp công thương	10.439	5.000	48%	
- Sự nghiệp quản lý môi trường	136.500	30.708	22%	93%
- Chi công tác quy hoạch	47.824	0		
- Sự nghiệp khác	5.548	4.000	72%	229%
3- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.932.630	870.280	45%	113%
- Chi sự nghiệp giáo dục	1.718.963	791.401	46%	113%
- Chi sự nghiệp đào tạo	213.667	78.879	37%	114%
4- Chi sự nghiệp y tế	539.176	171.359	32%	122%
5- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53.000	20.643	39%	106%
6- Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao - du lịch - gia đình	105.508	35.667	34%	96%
7- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	19.864	5.205	26%	116%
8- Chi đảm bảo xã hội	182.499	153.789	84%	117%
9- Chi quản lý hành chính	673.173	384.914	57%	131%
Gồm: - Chi quản lý Nhà Nước	522.068	282.236	54%	137%
- Chi hỗ trợ ngân sách Đảng, các tổ chức CTXH	90.984	94.032	103%	144%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60.121	8.647	14%	36%

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN NĂM 2011	UTH 6 tháng đầu năm	So sánh %	
			LK/ DT	LK/ CK
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4=2/CK</i>
10- Chi An ninh - Quốc phòng	123.900	69.256	56%	149%
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50.542	21.569	43%	128%
- Quốc phòng	73.358	47.687	65%	161%
11- Chi khác ngân sách	52.485	129.915	248%	162%
III- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50.000			
IV- Dự phòng ngân sách	199.810	3.475		
V- Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910			
VI- Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN.				
VII- Chi XDCB từ nguồn tạm ứng NSTW				
VIII- Chi XDCB từ nguồn vay KBNNTW				
IX- Chi đầu tư kiên cố hóa KM từ nguồn vay ưu đãi				
B - Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500.000	300.942	60%	202%
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500.000	300.942	60%	202%



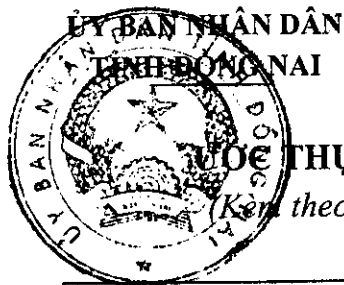
QUỐC THỰC HIỆN THU NSNN TỈNH ĐỒNG NAI 06 THÁNG CUỐI NĂM 2011

Báo cáo số 4510/BC-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

Nội dung các khoản thu	Dự toán 2011	UTH 6 tháng cuối năm	UTH 12 tháng 2011	So sánh %			
				LK 6 tháng cuối /DT	LK 6 tháng cuối /CK 6T 2010	UTH 2011 /DT	UTH 2011 /CK 2010
A	I	2	3	4=2/I	5=2/CK	6=3/I	7=3/CK
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C)	20.080.000	10.803.194	22.602.910	54%	95%	113%	115%
A. TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	19.580.000	10.183.508	21.647.100	52%	93%	111%	114%
I. THU NỘI ĐỊA	11.950.000	6.754.591	13.254.100	57%	98%	111%	113%
<i>(Thu nội địa đã trừ tiền sử dụng đất)</i>	<i>11.450.000</i>	<i>6.343.854</i>	<i>12.704.100</i>	<i>55%</i>	<i>99%</i>	<i>111%</i>	<i>117%</i>
1. Thu từ DNNN Trung ương	1.430.000	847.769	1.740.000	59%	96%	122%	116%
- Thuế giá trị gia tăng	760.800	479.387	852.000	63%	136%	112%	134%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	610.000	298.016	788.500	49%	67%	129%	103%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	1.700	2.291	3.000	135%	227%	176%	177%
- Thuế tài nguyên	55.000	43.661	66.000	79%	102%	120%	109%
- Thuế môn bài	480	3	500	1%		104%	104%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	2.020	24.411	30.000	1208%	63%	1485%	69%
2. Thu từ DNNN địa phương	1.850.000	1.047.562	2.030.000	57%	118%	110%	119%
- Thuế giá trị gia tăng	687.870	439.925	688.000	64%	210%	100%	151%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.000	291.358	548.300	61%	126%	114%	118%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	660.000	291.962	740.000	44%	70%	112%	101%
- Thuế tài nguyên	20.000	22.321	50.000	112%	75%	250%	96%
- Thuế môn bài	635	0	700	0%	0%	110%	105%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	1.495	1.996	3.000	134%	71%	201%	105%
3. Thu từ xí nghiệp có vốn ĐTNN	4.030.000	2.196.593	4.362.000	55%	100%	108%	118%
- Thuế giá trị gia tăng	2.143.800	1.409.899	2.178.715	66%	194%	102%	152%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.800.000	748.268	2.096.485	42%	57%	116%	100%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	28.500	3.781	29.000	13%	22%	102%	103%
- Thuế tài nguyên	200	68	200	34%	213%	100%	208%
- Thuế môn bài	2.500	64	2.600	3%		104%	100%
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước	35.000	23.707	35.000	68%	18%		25%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	20.000	10.806	20.000	54%	134%	100%	169%
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.164.000	1.140.645	2.225.100	53%	89%	103%	112%
- Thuế giá trị gia tăng	1.723.000	952.998	1.730.100	55%	104%	100%	119%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	370.000	155.229	403.000	42%	48%	109%	94%
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	9.000	12.798	20.000	142%	85%	222%	93%

Nội dung các khoản thu	Dự toán 2011	UTH 6 tháng cuối năm	UTH 12 tháng 2011	So sánh %			
				LK 6 tháng cuối /DT	LK 6 tháng cuối /CK 6T 2010	UTH 2011 /DT	UTH 2011 /CK 2010
A	1	2	3	4=2/1	5=2/CK	6=3/1	7=3/CK
- Thuế tài nguyên	15.000	11.776	20.000	79%	91%	133%	93%
- Thuế môn bài	37.000	836	37.000	2%		100%	103%
- Thu khác (không bao gồm phạt, tịch thu)	10.000	7.009	15.000	70%	39%	150%	72%
5. Lệ phí trước bạ	320.000	181.934	350.000	57%	75%	109%	101%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp		384	1.000		29%		54%
7. Thuế nhà đất	40.000	18.632	40.000	47%	73%	100%	107%
8. Thuế thu nhập cá nhân	1.300.000	724.276	1.585.000	56%	103%	122%	131%
9. Thu phí, lệ phí	90.000	57.968	103.500	64%	69%	115%	84%
10. Thuế chuyển quyền sử dụng đất		309	900		21%		43%
11. Thu tiền sử dụng đất	500.000	410.737	550.000	82%	78%	110%	64%
12. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	50.000	9.579	75.500	19%	20%	151%	108%
13. Thu KHCB, tiền bán nhà thuộc SHNN		416	2.200		11%		50%
14. Thu phí giao thông qua xăng dầu	90.000	40.841	90.000	45%	115%	100%	120%
15. Thu khác ngân sách	80.000	72.899	92.000	91%		115%	87%
16. Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích ... tại xã	6.000	4.047	6.900	67%	38%	115%	57%
II. Thu tư hoạt động xuất nhập khẩu	7.630.000	3.428.917	8.393.000	45%	84%	110%	115%
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế TTĐB, hàng hóa nhập khẩu	2.590.000	1.530.432	2.794.000	59%	155%	108%	115%
- Thuế VAT hàng nhập khẩu	5.040.000	1.898.485	5.599.000	38%	61%	111%	115%
B. THU HUY ĐỘNG Đ.TU' XD.CSHT THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN (trái phiếu Hồ Cầu Mới)							
C. CÁC KHOẢN THU ĐỂ LẠI CHI Q.LÝ QUA NS	500.000	619.686	955.810	124%	169%	191%	159%
Tr.đó: - Thu từ lĩnh vực xổ số kiến thiết	500.000	163.876	500.000	33%	45%	100%	83%
- Ghi thu học phí		27.810	27.810				
- Ghi thu viện phí		428.000	428.000				



THỰC HIỆN CHI NSDP TỈNH ĐỒNG NAI 06 THÁNG CUỐI NĂM 2011

(Kèm theo Báo cáo số 4510/BC-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Dự toán 2011	UTH 6 tháng cuối năm	UTH năm 2011	So sánh %			
				LK 6 tháng cuối / DT	LK 6 tháng cuối / CK	UTH 2011/ DT	UTH 2011/ CK
A	1	2	3	4=2/1	5=2/CK	6=3/DT	7=2/CK
TỔNG CHI NSDP (A+B), TRONG ĐÓ:	7.240.382	5.507.720	8.839.933	76%	134%	122%	136%
A- Chi cân đối ngân sách địa phương:	6.740.382	4.810.137	7.841.408	71%	132%	116%	132%
I- Chi đầu tư phát triển:	2.282.000	1.760.755	2.792.203	77%	158%	122%	158%
1- Chi đầu tư XDCB tập trung	1.700.000	835.436	1.700.000	49%	122%	100%	122%
2- Chi ĐT từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ giảm thu ngân sách địa phương 2009		145.572	145.572				
3 - Chi ĐT từ nguồn thường vượt thu dự toán năm 2010		51.747	51.747				
4- Chi từ nguồn trung ương hỗ trợ (dự án Cầu Hóa An)		100.000	100.000				
5- Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000	334.283	500.000	67%	83%	100%	83%
6- Chi XDCB từ chương trình mục tiêu		6.000	6.000		25%		25%
7- Chi XDCB từ nguồn hỗ trợ của ngân sách TW	80.000	80.000	80.000	100%		100%	
8- Chi đầu tư kiên cố hóa kênh mương từ nguồn vốn vay ưu đãi		20.000	20.000				
9- Chi từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2011		47.000	47.000				
10- Chi đầu tư XDCB khác (hỗ trợ thực hiện khâu trừ từ nguồn tiền sử dụng đất đã thu năm 2008)		41.521	41.521				
11- Chi ĐT vốn đối ứng để XD cầu Thủ Biên		40.000	40.000				
12- Chi ĐT xây dựng hạ tầng tái định cư phường Tân Biên (Trả nợ vay KBNN 300.000 trđ)		35.152	35.152				
13- Chi hỗ trợ các dự án đầu tư xã hội hóa		23.211	23.211				
14- Chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp	2.000	833	2.000	42%	31%	100%	31%
II- Chi thường xuyên, trong đó:	4.205.662	2.800.137	4.796.485	67%	142%	114%	142%
1- Chi trợ giá theo chính sách	16.500	15.784	20.500	96%	125%	124%	125%
2- Chi sự nghiệp kinh tế. Trong đó:	506.927	435.990	586.594	86%	171%	116%	171%
- Sự nghiệp nông nghiệp	77.352	49.253	78.449	64%	74%	101%	74%
- Sự nghiệp giao thông	69.293	49.902	70.102	72%	220%	101%	220%
- Sự nghiệp kiến thiết thị chính	36.172	72.936	99.936	202%		276%	

CHỈ TIÊU	Dự toán 2011	UTH 6 tháng cuối năm	UTH năm 2011	So sánh %			
				LK 6 tháng cuối / DT	LK 6 tháng cuối / CK	UTH 2011/ DT	UTH 2011/ CK
A	1	2	3	4=2/1	5=2/CK	6=3/DT	7=2/CK
- Sự nghiệp tài nguyên, khoáng sản, đất đai	61.246	41.400	62.307	68%		102%	
- Sự nghiệp công thương	10.439	6.003	11.003	58%		105%	
- Sự nghiệp quản lý môi trường	136.500	116.697	147.405	85%	159%	108%	159%
- Chi công tác quy hoạch	47.824	47.824	47.824			100%	
- Sự nghiệp khác	5.548	1.548	5.548	28%	42%	100%	42%
3- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo	1.932.630	1.135.971	2.006.251	59%	134%	104%	134%
- Chi sự nghiệp giáo dục	1.718.963	970.045	1.761.446	56%	136%	102%	136%
- Chi sự nghiệp đào tạo	213.667	165.926	244.805	78%	124%	115%	124%
4- Chi sự nghiệp y tế	539.176	444.659	616.018	82%	260%	114%	260%
5- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	53.000	33.469	54.113	63%	164%	102%	164%
6- Chi sự nghiệp văn hóa - thể thao - du lịch - gia đình	105.508	79.801	115.468	76%	166%	109%	166%
7- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	19.864	14.659	19.864	74%	160%	100%	160%
8- Chi đảm bảo xã hội	182.499	176.450	330.239	97%	74%	181%	74%
9- Chi quản lý hành chính	673.173	345.318	730.232	51%	110%	108%	110%
Gồm: - Chi quản lý Nhà Nước	522.068	293.079	575.315	56%	112%	110%	112%
- Chi hỗ trợ ngân sách Đảng, các tổ chức CTXH	90.984	0	94.032	0%	0%	103%	0%
- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể	60.121	52.238	60.885	87%	162%	101%	162%
10- Chi An ninh - Quốc phòng	123.900	118.036	187.292	95%	212%	151%	212%
- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	50.542	67.078	88.647	133%	357%	175%	357%
- Quốc phòng	73.358	50.959	98.645	69%	138%	134%	138%
11- Chi khác ngân sách	52.485	0	129.915	0%	0%	248%	0%
III- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	50.000	50.000	50.000	100%	84%	100%	84%
IV- Dự phòng ngân sách	199.810	196.335	199.810	98%	140%	100%	140%
V- Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.910	2.910	2.910	100%	100%	100%	100%
VI- Chi trả nợ lãi vay đầu tư CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN.		0	0				
B - Các khoản chi quản lý qua ngân sách	500.000	697.583	998.525	140%	151%	200%	151%
- Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu xổ số kiến thiết	500.000	241.773	542.715	48%	52%	109%	52%
- Ghi chi học phí		27.810	27.810				
- Ghi chi viện phí		428.000	428.000				

BÁO CÁO THẨM TRA

Dự thảo nghị quyết và tờ trình về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2011

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban HĐND tỉnh trong việc thẩm tra báo cáo, tờ trình và dự thảo nghị quyết của UBND tỉnh trình HĐND, quy định tại Luật tổ chức HĐND và UBND, Ban Kinh tế - Ngân sách (KT-NS) tiến hành thẩm tra báo cáo và tờ trình của UBND tỉnh về tình hình ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (NSNN), chi ngân sách địa phương (NSĐP) 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện thu NSNN, chi NSĐP 6 tháng cuối năm 2011; điều chỉnh, bổ sung dự toán thu NSNN; thu, chi NSĐP tỉnh Đồng Nai năm 2011. Kết quả thẩm tra như sau:

I. VỀ HỒ SƠ THẨM TRA

Hồ sơ trình HĐND tỉnh gồm có: Báo cáo số 4510/BC-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh về ước thực hiện thu NSNN, chi NSĐP 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện thu NSNN, chi NSĐP 6 tháng cuối năm 2011; Tờ trình số 4509/TTr-UBND ngày 06/7/2011 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu NSNN; thu, chi NSĐP tỉnh Đồng Nai năm 2011; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết của Sở Tư pháp. Căn cứ quy định hiện hành hồ sơ trình là đầy đủ.

II. VỀ NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Qua nghiên cứu, theo dõi về kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm; điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2011 trên địa bàn, Ban KT-NS cơ bản nhất trí với Báo cáo, Tờ trình của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Ban nhấn mạnh, phân tích và làm rõ thêm một số nội dung sau:

1. Về ước thực hiện thu NSNN, chi NSĐP 6 tháng đầu năm 2011

a) Về kết quả thu NSNN, chi NSĐP

Thực hiện dự toán ngân sách năm 2011 trong bối cảnh tình hình kinh tế cả nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng gặp nhiều khó khăn do tác động bất lợi của suy giảm kinh tế toàn cầu, làm hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng; Chính phủ ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện một số giải pháp nhằm ổn định nền kinh tế, chống lạm phát. Thực hiện chỉ đạo của Chính Phủ, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành thuế chủ động phối hợp với các cấp, các ngành, địa phương tổ chức tốt công tác thu NSNN; tổ chức thực hiện thu ngân sách bám sát quy định của các sắc thuế, phí, lệ phí và chính sách hiện hành; công tác quản lý thu có chuyển biến tích cực,

hoàn thuế nhanh, chặt chẽ, nợ đọng được quan tâm xử lý; điều hành chi ngân sách đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội trên địa bàn. Từ đó, kết quả thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2011 đạt khá, cụ thể:

- Ước tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm được 11.799.696 triệu đồng, đạt 59% dự toán, tăng 43% so cùng kỳ năm 2010. Trong đó: thu nội địa đạt 54% dự toán; thu xổ số kiến thiết đạt 67% dự toán; đặc biệt, đối với thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 65% dự toán.

- Ước thực hiện chi NSDP 6 tháng đầu năm là 3.332.213 triệu đồng, đạt 46% dự toán, tăng 42% so cùng kỳ năm 2010. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 45% dự toán; chi thường xuyên: đạt 47% dự toán; chi từ các khoản quản lý qua ngân sách đạt 60% dự toán.

b) Về điều hành, chấp hành NSDP

Qua theo dõi Ban KT-NS thấy rằng, công tác phân bổ, quản lý, điều hành và chấp hành chi NSNN về cơ bản đã bám sát dự toán được giao theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và tuân thủ các quy định về tài chính, ngân sách của Nhà nước; bảo đảm nhiệm vụ chi cho phát triển kinh tế - xã hội, bố trí đúng mục tiêu, bảo đảm cơ cấu chi, đảm bảo nguồn kinh phí đáp ứng thực hiện nhiệm vụ quản lý kinh tế, quản lý nhà nước của các ngành, các cấp trên địa bàn.

Thực hiện Nghị quyết số 11 của Chính phủ về những giải pháp tập trung chủ yếu để kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức thực hiện hiệu quả, thể hiện qua một số nhiệm vụ sau: sắp xếp lại nhiệm vụ chi để tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, hạn chế tối đa sử dụng kinh phí ngoài dự toán, tạm dừng việc mua sắm ô tô và các trang thiết bị đắt tiền, giảm hội họp, tiết kiệm điện...qua đó, đã góp phần cùng với các địa phương khác trong cả nước thực hiện ổn định nền kinh tế, giảm lạm phát.

Tuy nhiên, qua phân tích kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, Ban có một số ý kiến như sau:

Một, thu NSNN trên địa bàn tuy đạt trên 50% dự toán nhưng chưa mang tính ổn định cao, thể hiện ở lĩnh vực thu nội địa, một số khoản thu tăng phát sinh ngoài dự toán do yếu tố khách quan từ chính sách thuế (như thu hẹp chế độ miễn giảm thuế giá trị gia tăng, thay đổi giá bán điện...). Trong các chỉ tiêu thực hiện đạt trên 50% dự toán có một số nội dung chiếm tỷ trọng cao nhưng thực hiện chưa đạt kế hoạch như: Thu thuế GTGT ở khối DNNN địa phương và khối xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đạt 36%, khối khu vực ngoài quốc doanh cũng chỉ đạt 45%. Có 02 chỉ tiêu thu chỉ đạt dưới 30% dự toán (thu tiền sử dụng đất và thu khác ngân sách).

Hai, một số chỉ tiêu chi thực hiện đạt kết quả ở mức độ thấp như: chi sự nghiệp kinh tế, ở nhiệm vụ chi sự nghiệp lâm nghiệp chỉ đạt 13%, sự nghiệp môi trường chỉ đạt 22%, đáng quan tâm chi công tác quy hoạch, dự toán bố trí 47.824 triệu đồng nhưng trong 6 tháng đầu năm chưa thực hiện. Đối với các chỉ tiêu chi kết quả thực hiện thấp có khả năng không hoàn thành dự toán năm 2011.

2. Về điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2011

a) Về điều chỉnh tăng dự toán thu NSNN

Ban KT-NS thống nhất với đề nghị điều chỉnh của UBND tỉnh vì việc điều chỉnh dựa trên cơ sở căn cứ kết quả thực hiện thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2011 trên địa bàn; bảo đảm, chủ động cân đối nguồn thu phân bổ dự toán chi NSDP là hoàn toàn hợp lý và đúng quy định hiện hành. Đồng thời, để phấn đấu tăng thu NSNN theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục trưởng Cục thuế.

Cụ thể như sau: tăng thu NSNN thêm 13% so với dự toán đầu năm, từ 20.080.000 triệu đồng lên 22.598.810 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh tăng thu trong cân đối từ 19.580.000 triệu đồng lên 21.643.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng thu các khoản quản lý qua ngân sách từ 500.000 triệu đồng lên 955.810 triệu đồng.

b) Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi NSDP

- **Về thu NSDP:** UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xin điều chỉnh, bổ sung dự toán thu NSDP từ 7.240.382 triệu đồng lên 9.256.002 triệu đồng (tăng 2.015.620 triệu đồng), trong đó:

+ Tăng các khoản thu cân đối NSDP từ 6.740.382 triệu đồng lên 8.257.477 triệu đồng, với các lý do:

* Tăng các khoản thu phân chia theo tỷ lệ từ 6.660.382 triệu đồng lên 7.373.161 triệu đồng.

* Trung ương bổ sung, hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh là 739.584 triệu đồng từ một số nội dung và nhiệm vụ: Chương trình mục tiêu quốc gia; kiên cố hóa kênh mương; xây dựng cầu Hóa An, hỗ trợ từ nguồn trái phiếu chính phủ để đầu tư xây dựng; hỗ trợ giảm thu ngân sách tỉnh do thực hiện chính sách thuế năm 2009; thưởng vượt thu dự toán năm 2010 và hỗ trợ công tác bầu cử.

* Nguồn ngân sách cấp tỉnh 405.806 triệu đồng, bao gồm: Dự kiến 50% tăng thu ngân sách tỉnh; nguồn thu tiền sử dụng đất vượt dự toán năm 2010 và nguồn thu tiền từ hoạt động xổ số kiến thiết vượt dự toán năm 2010.

+ Điều chỉnh tăng thu các khoản quản lý qua ngân sách từ 500.000 triệu đồng lên ~~955.810~~ triệu đồng, với các lý do: tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; bổ sung ghi thu nguồn học phí và viện phí (ghi thu, ghi chi theo quy định).

- Về bổ sung dự toán chi NSDP

+ Đối với ngân sách cấp tỉnh: Các nội dung bổ sung dự toán chi ngân sách bao gồm: bổ sung chi xây dựng cơ bản là 235,867 tỷ đồng; chi thường xuyên là 259,310 tỷ đồng. Các nội dung đề nghị bổ sung là cần thiết; tổng chi NSDP được điều chỉnh, bổ

sung khớp đúng với nguồn thu NSDP được bổ sung. Ban thống nhất với nội dung trình của UBND tỉnh.

+ Đối với bổ sung ngân sách cấp huyện: Ban nhất trí với các nội dung xin bổ sung dự toán của UBND tỉnh vì các lý do sau:

* Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách cấp huyện chủ yếu là chi XDCB và các nhiệm vụ có mục tiêu quốc gia theo phân cấp, đầu năm chưa phân bổ, nay Trung ương giao bổ sung.

* Dự toán bổ sung cân đối ngân sách cấp huyện sau khi điều chỉnh phù hợp với nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện được bổ sung, điều chỉnh.

* Tổng dự toán chi bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách cấp huyện phù hợp với tổng nguồn thu NSDP được điều chỉnh bổ sung.

3. Về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2011

UBND tỉnh xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm, về cơ bản, Ban nhất trí với các nội dung trong Tờ trình của UBND tỉnh. Qua phân tích những hạn chế trong việc điều hành, chấp hành ngân sách 6 tháng đầu năm và trước tình hình suy giảm kinh tế diễn biến phức tạp, Ban đề nghị trong điều hành UBND tỉnh cần quan tâm một số nội dung sau:

Một, cần phát huy hơn nữa kết quả đã đạt được, khai thác nguồn thu, thực hiện có hiệu quả các giải pháp chống thất thu ngân sách, phấn đấu cuối năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thu theo nghị quyết HĐND tỉnh; tiết kiệm chi, sử dụng nguồn kinh phí theo dự toán và hiệu quả. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết HĐND tỉnh về dự toán NSNN và nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011.

Hai, rà soát nhiệm vụ chi, tạm dừng hoặc giãn tiến độ các dự án đầu tư kém hiệu quả, tập trung vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách. Đối với chi thường xuyên thực hiện việc cắt giảm, điều chỉnh các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để tập trung cho các nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.

Đối với nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cần có giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, đảm bảo cuối năm sử dụng đạt 100% dự toán.

Ba, Đối với ngân sách các địa phương, nhiều địa phương có thay đổi nguồn thu, tăng hoặc giảm tùy theo việc thực hiện các chính sách về thuế. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương tích cực, chủ động phấn đấu tăng thu, chống thất thu, kiên quyết thu hồi nợ đọng để bù đắp phần giảm thu.

III. VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ban KT-NS có ý kiến như sau:

- Số liệu của dự thảo nghị quyết khớp đúng với số liệu của Tờ trình, số điều chỉnh, bổ sung dự toán thu NSDP khớp đúng với chi NSDP năm 2011 trên địa bàn.

- Nội dung chi và điều chỉnh, bổ sung cân đối nêu trong dự thảo nghị quyết phù hợp với Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội năm 2011 và đúng qui định với Luật Ngân sách nhà nước.

- Dự thảo nghị quyết có quy định trách nhiệm của UBND tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và trách nhiệm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trong việc giám sát thực hiện nghị quyết.

Ban đề nghị điều chỉnh một số nội dung theo kiến nghị của Ban nêu trên và bổ sung một số giải pháp mà Ban kiến nghị ở phần trên.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS về dự thảo nghị quyết và tờ trình của UBND tỉnh về tình hình ước thực hiện thu, chi NSNN 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm 2011; điều chỉnh, bổ sung thu NSNN và thu, chi NSDP năm 2011, báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại biểu tham dự kỳ họp HĐND tỉnh thứ 2;
- Lưu: VT, Huy.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Quách Ngọc Lan